OCBS

BÁO CÁO VĨ MÔ

SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU GIỮ NHỊP
ÁP LỰC GIÁ VẪN HIỆN HỮU





11.2026

TỔNG QUAN

Việt Nam duy trì tăng trưởng cao trong 10 tháng, xuất siêu tháng 10 cải thiện cán cân ngoại thương, trong khi CPI bình quân tăng 4,57%

THẾ GIỚI

Tăng trưởng phân hóa, các NHTW lớn giữ lãi suất tháng 10

MỸ
GDP quý III tăng 3,4% năm hóa
Fed giữ lãi suất 3,75–4,00%

TRUNG QUỐC
PMI sản xuất T10 giảm còn 49,3
GDP quý III tăng 4,5% cùng kỳ

CHÂU ÂU
PMI tổng hợp T10 giảm còn 51,7
HICP sơ bộ T10 lên 4,0%

NHẬT BẢN
PMI tổng hợp T10 còn 52,1
BoJ giữ lãi suất ở 1,25%

IMF dự báo GDP toàn cầu tăng 3,1% năm 2026, lạm phát 4,7%. Fed, ECB và BoJ tạm giữ lãi suất, nhưng năng lượng và chi phí vốn tiếp tục gây sức ép.

VIỆT NAM

Sản xuất và đầu tư giữ vai trò trụ cột, cần theo dõi lạm phát và đơn hàng

GDP 9T/2026
+9,01%
quý III tăng 9,95%

SẢN XUẤT
PMI 52,3
IIP 10T tăng 12,4%

ĐẦU TƯ CÔNG
783,9
nghìn tỷ đồng, 69,0% kế hoạch

FDI
54,85
tỷ USD đăng ký 10T

Bán lẻ thực 10 tháng tăng 7,7%. Tháng 10 xuất siêu 7,31 tỷ USD, nhập siêu lũy kế giảm còn 12,07 tỷ USD. FDI thực hiện đạt 24,08 tỷ USD, tăng 13,1%.

4 TRỤC TÁC ĐỘNG

CẦU NGOÀI
PHÂN HÓA
Mỹ còn mở rộng, Trung Quốc yếu đi. Đơn hàng xuất khẩu Việt Nam tiếp tục giảm.

CHI PHÍ VỐN
CÒN RÀNG BUỘC
Lãi suất quốc tế giữ nguyên sau đợt tăng. CPI hạn chế dư địa nới lỏng trong nước.

ĐẦU TƯ CÔNG
TÍCH CỰC
Vốn NSNN thực hiện tăng 19,8%, hỗ trợ xây dựng, vật liệu và vận tải.

FDI & CHUỖI CUNG ỨNG
TÍCH CỰC CHỌN LỌC
Giải ngân tăng 13,1%. Nguồn dự án lớn cần chuyển thành công suất và đơn hàng.

Cán cân thương mại cải thiện và FDI hỗ trợ nguồn ngoại tệ, song lạm phát cùng chi phí đầu vào vẫn là ràng buộc với tăng trưởng.
Theo dõi CPI, USD/VND, chất lượng đơn hàng và tiến độ vốn đầu tư trong hai tháng cuối năm.

Nguồn: Cục Thống kê, dữ liệu nội bộ, IMF, Fed, ECB, BoJ, BEA, NBS, ISM, S&P Global. Cập nhật 06/11/2026



NỘI DUNG CHI TIẾT

A. VĨ MÔ THẾ GIỚI

1. Mỹ
2. Trung Quốc
3. Châu Âu
4. Nhật Bản

B. VĨ MÔ VIỆT NAM

1. GDP
2. Lạm phát
3. Tỷ giá
4. Lãi suất
5. Thương mại
6. Sản xuất
7. Đầu tư công – du lịch – Bán lẻ
8. FDI


VĨ MÔ THẾ GIỚI

TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU PHÂN HÓA, LẠM PHÁT CÒN CAO

IMF dự báo tăng trưởng 2026 đạt 3,1% và lạm phát 4,7%. Các NHTW lớn tạm giữ lãi suất trong tháng 10

MỸ

1 GDP tăng nhanh hơn, giá còn cao

GDP quý III tăng 3,4% năm hóa. ISM sản xuất T10 lên 55,5, dịch vụ còn 54,5.

PCE tháng 9 tăng 3,6%, PCE lõi tăng 3,1% cùng kỳ.

Fed giữ lãi suất 3,75–4,00% ngày 28/10.

TĂNG TRƯỞNG ĐI CÙNG ÁP LỰC GIÁ

TRUNG QUỐC

2 PMI trở lại dưới ngưỡng 50

GDP quý III tăng 4,5%, lũy kế 9 tháng tăng 4,6%.

PMI chính thức T10 còn 49,3, phi sản xuất còn 49,7.

Bán lẻ T9 tăng 1,1%, thấp hơn sản xuất công nghiệp tăng 5,5%.

CẦU NỘI ĐỊA CÒN YẾU

CHÂU ÂU

3 Đà mở rộng chậm, HICP lên 4,0%

GDP euro quý III tăng 0,4% theo quý và 1,3% cùng kỳ.

PMI tổng hợp T10 giảm còn 51,7, dịch vụ còn 51,4.

HICP sơ bộ T10 lên 4,0%. ECB giữ lãi suất tiền gửi 2,50%.

NĂNG LƯỢNG GÂY SỨC ÉP

NHẬT BẢN

4 Tăng trưởng chậm, BoJ giữ lãi suất

PMI tổng hợp T10 đạt 52,1, dịch vụ 51,7; hoạt động còn mở rộng.

BoJ dự báo GDP FY2026 +0,7%, CPI loại trừ thực phẩm tươi +2,5%.

BoJ giữ lãi suất 1,25% ngày 30/10, sau đợt tăng tháng 9.

PHỤC HỒI VỪA PHẢI

Mỹ duy trì tăng trưởng | Trung Quốc yếu cầu nội địa | Euro chịu áp lực giá | Nhật Bản giữ lãi suất

Kịch bản IMF cho 2027 là tăng trưởng toàn cầu 3,4%, lạm phát 4,1%. Đây là dự báo, phụ thuộc diễn biến năng lượng và thương mại.

Với Việt Nam, cầu xuất khẩu phân hóa và chi phí nhập khẩu còn cao. Đầu tư công, FDI và sức mua nội địa giữ vai trò hỗ trợ.

Nguồn: IMF WEO T10/2026, BEA, Fed, ECB, Eurostat, BoJ, NBS, ISM, S&P Global. Chi tiết nguồn trong ghi chú

MỸ TĂNG TRƯỞNG VỮNG, LẠM PHÁT HẠN CHẾ NỚI LỎNG (1/2)

OCBS

GDP quý III tăng 3,4% năm hóa, ISM sản xuất tháng 10 lên 55,5. Fed giữ lãi suất sau đợt tăng tháng 9

TĂNG TRƯỞNG

01 Sản xuất tăng tốc, dịch vụ tiếp tục mở rộng nhưng đơn hàng chậm hơn

3,4% **GDP quý III/2026** năm hóa, ước tính lần đầu	**55,5** **ISM sản xuất T10** so với 54,5 tháng 9
54,5 **ISM dịch vụ T10** so với 54,9 tháng 9	**55,9** **Đơn hàng dịch vụ** so với 59,8 tháng 9

- ISM sản xuất tăng 1 điểm, trong khi đơn hàng dịch vụ giảm 3,9 điểm.
- GDP quý III cao hơn mức 2,2% quý II. Đà tăng giữa các khu vực vẫn phân hóa.

SẢN XUẤT TĂNG NHANH HƠN DỊCH VỤ

LẠM PHÁT

02 PCE tăng nhanh hơn, Fed giữ lãi suất trong cuộc họp cuối tháng 10

+3,6% **PCE tháng 9** so với cùng kỳ	**+3,1%** **PCE lõi tháng 9** so với cùng kỳ
3,75–4,00% **Lãi suất Fed** giữ nguyên ngày 28/10	**73,0** **Giá dịch vụ ISM** tháng 10, T9 là 74,0

- Fed giữ lãi suất 3,75–4,00% với tỷ lệ biểu quyết 10–2.
- Giá dịch vụ còn tăng. Quyết định giữ nguyên chưa xác lập thời điểm giảm lãi suất.

LẠM PHÁT HẠN CHẾ NỚI LỎNG

LAO ĐỘNG

03 Sức mua thực chững lại, tuyển dụng tháng 9 còn yếu

+29 nghìn **Việc làm tháng 9** số công bố kỳ tháng 9	**4,2%** **Thất nghiệp** tháng 8 là 4,1%
+3,0% **Thu nhập giờ** so với cùng kỳ	**3,8%** **Tỷ lệ tiết kiệm** thu nhập khả dụng T9

- Việc làm và thất nghiệp dùng kỳ tháng 9. Chưa đưa báo cáo tháng 10 vào kỳ chốt dữ liệu này.
- Chi tiêu thực tháng 9 gần như đi ngang, thu nhập khả dụng thực giảm 0,3% theo tháng.

LẠM PHÁT BÀO MÒN THU NHẬP THỰC

THẾ KHÓ CỦA FED: Hoạt động mở rộng → PCE tháng 9 tăng 3,6% → Tuyển dụng chậm lại → Fed giữ nguyên lãi suất

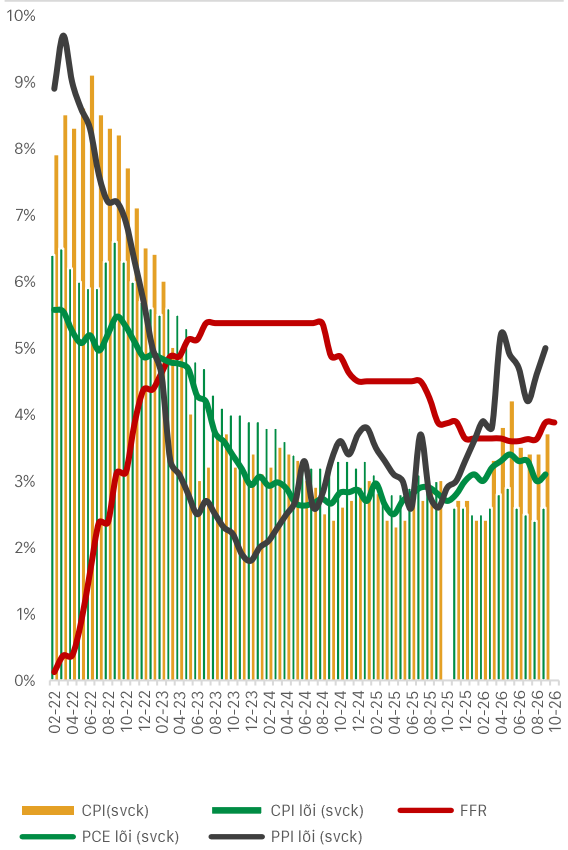
Mỹ tiếp tục hỗ trợ cầu toàn cầu, nhưng tăng trưởng GDP mạnh chưa đồng nghĩa sức mua hộ gia đình tăng đều.

Rủi ro với Việt Nam vẫn đến từ sức mua, chi phí USD và yêu cầu thương mại. Chính sách Fed tiếp tục phụ thuộc dữ liệu.

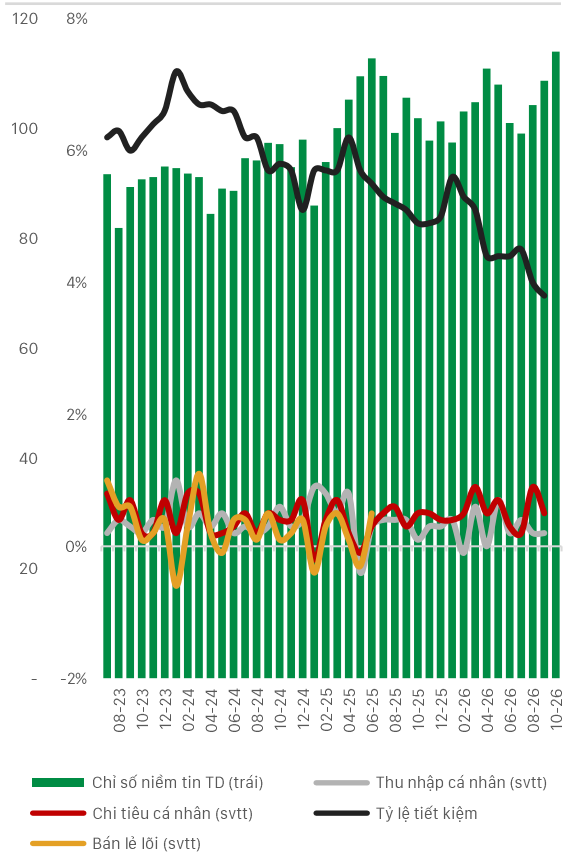
Nguồn: BEA, BLS kỳ T9, ISM T10, Fed 28/10/2026. GDP quý III là ước tính lần đầu. Chốt 06/11/2026

MỸ TĂNG TRƯỞNG VỮNG, LẠM PHÁT HẠN CHẾ NỚI LỎNG (2/2)

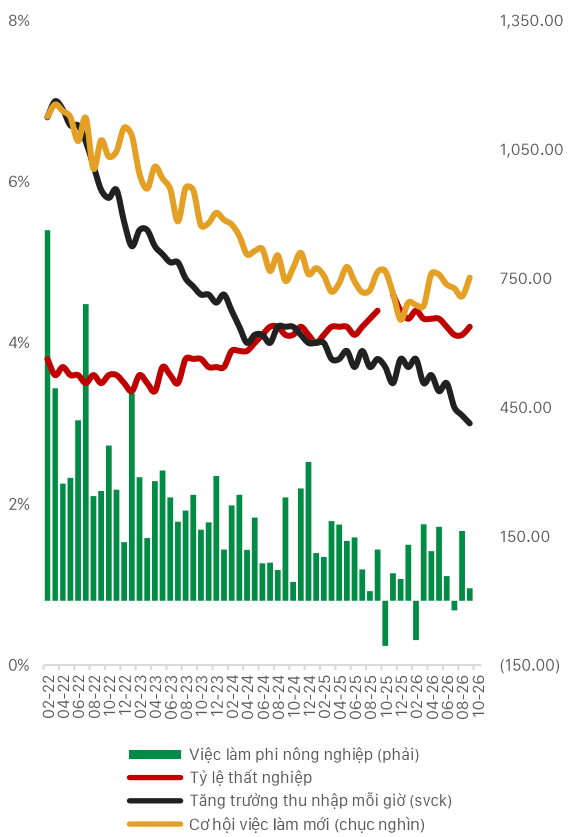
PCE tăng nhanh hơn, Fed giữ lãi suất trong cuộc họp cuối tháng 10



Sản xuất tăng tốc, dịch vụ tiếp tục mở rộng nhưng đơn hàng chậm hơn



Sức mua thực chững lại, tuyển dụng tháng 9 còn yếu



Nguồn: OCBS tổng hợp

TRUNG QUỐC TĂNG TRƯỞNG PHÂN HÓA, PMI TRỞ LẠI DƯỚI 50 (1/2)

OCBS

GDP quý III tăng 4,5%, nhưng PMI tháng 10 yếu đi. Công nghiệp vẫn vượt nhịp tăng của bán lẻ

TĂNG TRƯỞNG

01 PMI chính thức tháng 10 giảm ở cả sản xuất và phi sản xuất

4,5% **GDP quý III/2026** so với cùng kỳ	49,3 PMI sản xuất T10 so với 50,1 tháng 9
49,4 **Đơn hàng mới** dưới ngưỡng 50	49,7 **PMI phi sản xuất** so với 50,2 tháng 9

- Chỉ số sản lượng còn 49,8, giảm từ 51,7. Đơn hàng mới cũng xuống dưới 50.
- GDP 9 tháng tăng 4,6%, nhưng khảo sát đầu quý IV cho thấy động lực mới yếu đi.

TÍN HIỆU QUÝ IV THẬN TRỌNG HƠN GDP

CÔNG NGHIỆP

02 Sản xuất công nghệ cao tăng nhanh hơn phần còn lại của công nghiệp

+5,5% **Công nghiệp tháng 9** so với cùng kỳ	+15,3% **Chế tạo công nghệ cao** tháng 9, so cùng kỳ
+16,4% **Điện tử, máy tính** tháng 9, so cùng kỳ	**Công nghệ** **Động lực nổi bật** chuỗi điện tử và AI

- Công nghệ cao vượt xa mức tăng công nghiệp chung, cho thấy động lực tập trung theo ngành.
- Cơ hội cho chuỗi cung ứng đi cùng cạnh tranh mạnh hơn về sản phẩm và giá bán.

CÔNG NGHỆ DẪN DẮT SẢN XUẤT

CẦU NỘI ĐỊA

03 Bán lẻ tăng nhẹ, giá sản xuất và đầu tư tiếp tục tạo sức ép

+0,9% **CPI tháng 9** so với cùng kỳ	**+5,0%** **PPI tháng 9** áp lực giá đầu vào tăng
+1,1% Bán lẻ tháng 9 so với cùng kỳ	−7,2% Đầu tư tài sản 9T so với cùng kỳ

- Bán lẻ T9 tăng 1,1%, cải thiện từ 0,4% nhưng vẫn thấp hơn mức tăng công nghiệp.
- Đầu tư tài sản cố định 9 tháng giảm 7,2%. PPI tăng nhanh hơn CPI tạo rủi ro chuyển giá.

CẦU NỘI ĐỊA CHƯA TẠO ĐỘNG LỰC ĐỦ MẠNH

TRẠNG THÁI CỦA KINH TẾ

PMI dưới ngưỡng 50 → Công nghệ cao dẫn dắt → Bán lẻ tăng chậm → Phục hồi phân hóa

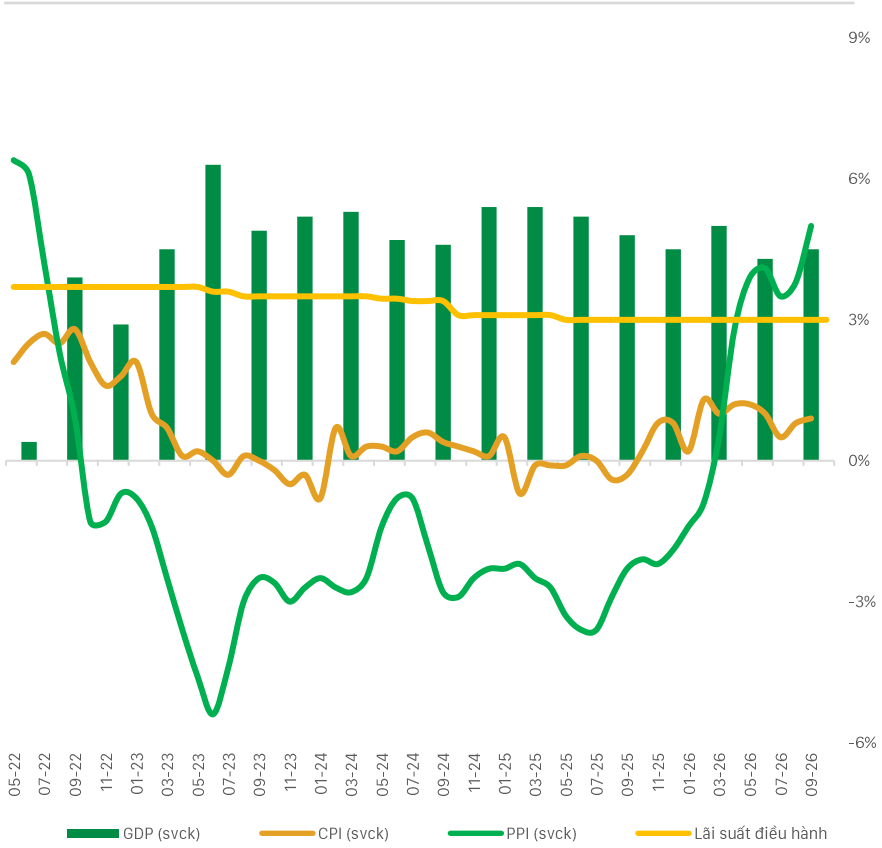
Tăng trưởng quý III cải thiện nhưng PMI tháng 10 suy yếu. Sức mua và đầu tư nội địa vẫn là điểm cần theo dõi.

Với Việt Nam, chuỗi điện tử có cơ hội từ nhu cầu công nghệ. Rủi ro nằm ở cầu Trung Quốc, cạnh tranh xuất khẩu và giá đầu vào.

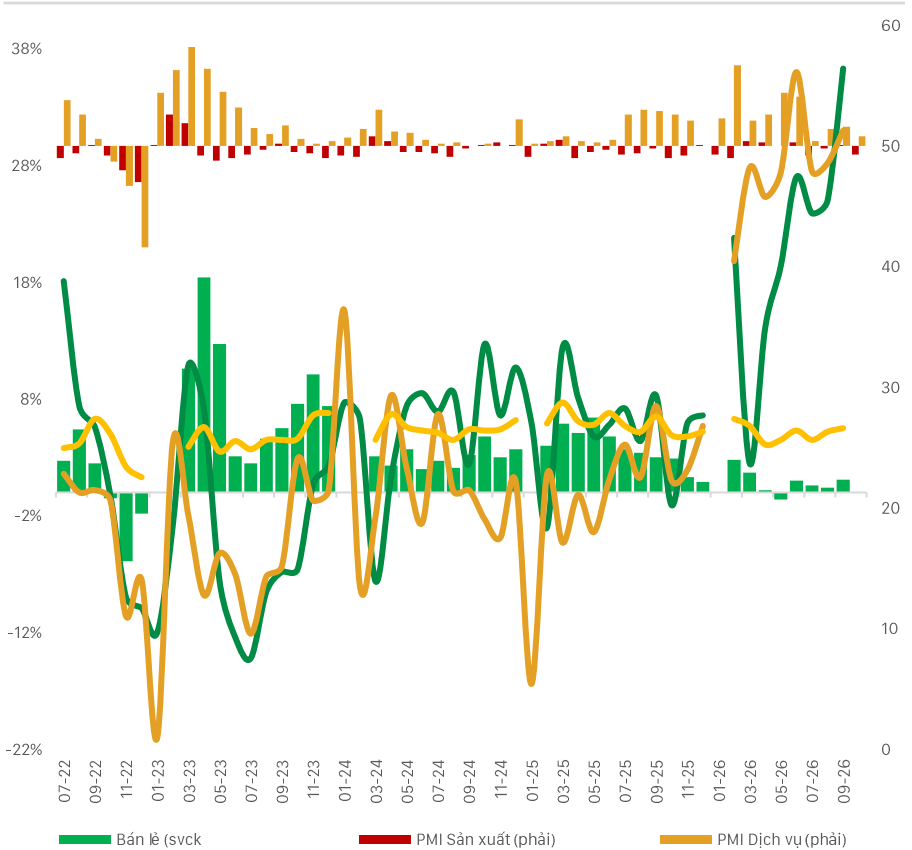
Nguồn: NBS, số GDP quý III, hoạt động và giá T9, PMI T10/2026. Dữ liệu lịch sử: World Data 091126

TRUNG QUỐC TĂNG TRƯỞNG PHÂN HÓA, PMI TRỞ LẠI DƯỚI 50 (2/2)

Bán lẻ tăng nhẹ, giá sản xuất và đầu tư tiếp tục tạo sức ép



Sản xuất công nghệ cao tăng nhanh hơn phần còn lại của công nghiệp. PMI chính thức tháng 10 giảm ở cả sản xuất và phi sản xuất



Nguồn: OCBS tổng hợp

EUROZONE GIẢM TỐC HOẠT ĐỘNG, ÁP LỰC NĂNG LƯỢNG TĂNG (1/2)

GDP quý III tăng 0,4% theo quý, PMI tổng hợp tháng 10 còn 51,7. HICP sơ bộ lên 4,0%

TĂNG TRƯỞNG

01 Ước tính GDP quý III cho thấy tăng trưởng tiếp diễn nhưng chậm hơn quý II

+0,4% **GDP euro quý III/2026** so với quý trước	**+1,3%** **GDP euro quý III** so với cùng kỳ
+0,5% **GDP toàn EU** so với quý trước	**+1,5%** **GDP toàn EU** so với cùng kỳ

- GDP euro tăng 0,4% theo quý, thấp hơn mức 0,6% của quý II.
- Tăng 1,3% so cùng kỳ. Đây là ước tính nhanh, có thể được điều chỉnh.

GDP TIẾP TỤC TĂNG NHƯNG TỐC ĐỘ CHẬM LẠI

HOẠT ĐỘNG

02 Khảo sát tháng 10 cho thấy đà mở rộng và đơn hàng mới chậm lại

51,7 **PMI tổng hợp T10** so với 53,1 tháng 9	**52,8** **Sản lượng chế tạo** chỉ số PMI T10
51,4 **PMI dịch vụ T10** so với 53,0 tháng 9	**Chậm lại** **Đơn hàng mới** khảo sát tháng 10

- Cả chế tạo và dịch vụ còn mở rộng, nhưng tăng trưởng sản lượng giảm tốc.
- PMI đo thay đổi theo tháng. Sản lượng chế tạo 52,8 khác chỉ số PMI sản xuất tổng hợp.

ĐỘNG LỰC MỚI YẾU ĐI Ở ĐẦU QUÝ IV

LẠM PHÁT

03 Giá năng lượng đẩy HICP lên cao, ECB giữ lãi suất tháng 10

4,0% **HICP sơ bộ T10** so với 3,8% tháng 9	**+20,8%** **Năng lượng** tháng 10, so cùng kỳ
2,50% **Lãi suất tiền gửi ECB** giữ nguyên ngày 29/10	**2,65%** **Tái cấp vốn** giữ nguyên ngày 29/10

- HICP lõi T10 ở 2,5%, trong khi năng lượng tăng 20,8% cùng kỳ.
- ECB giữ ba lãi suất chính sách. Hướng đi tiếp theo phụ thuộc dữ liệu, chưa cam kết trước.

NĂNG LƯỢNG HẠN CHẾ PHỤC HỒI

TRẠNG THÁI PHỤC HỒI

GDP tăng 0,4% theo quý → PMI tổng hợp 51,7 → HICP lên 4,0% → ECB giữ lãi suất

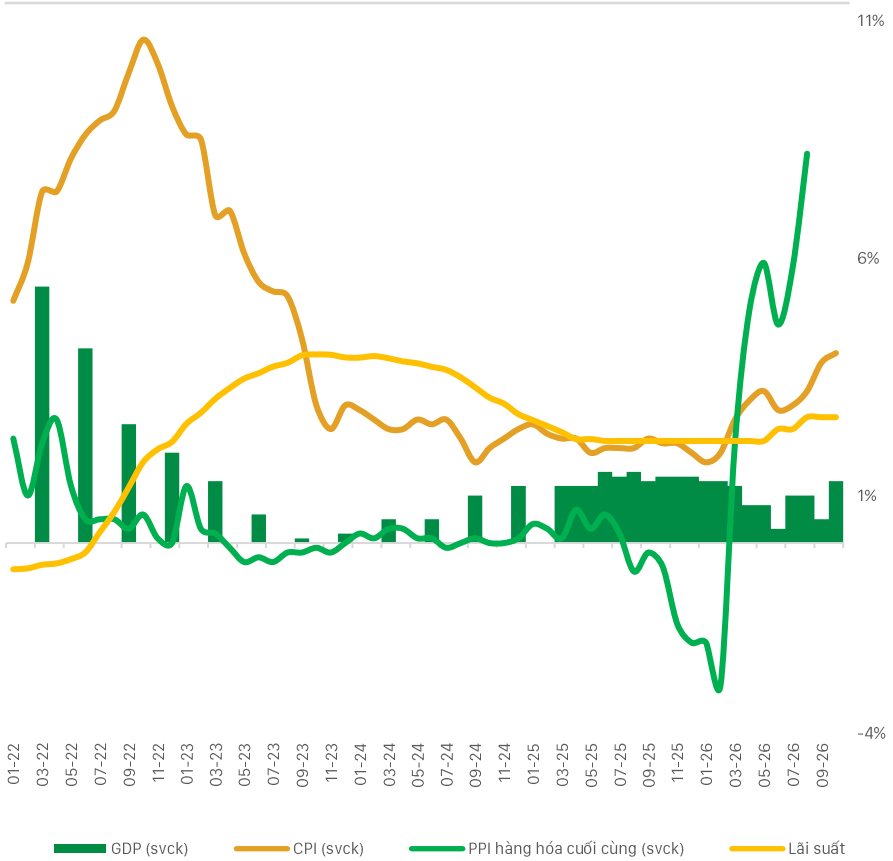
Đà mở rộng của eurozone chậm lại trong khi lạm phát tăng, khiến triển vọng cầu cuối cùng và chi phí vốn kém thuận lợi hơn.

Với Việt Nam, cần theo dõi đơn hàng từ châu Âu và chi phí vận tải. Sức mua yếu và năng lượng cao có thể gây sức ép biên lợi nhuận.

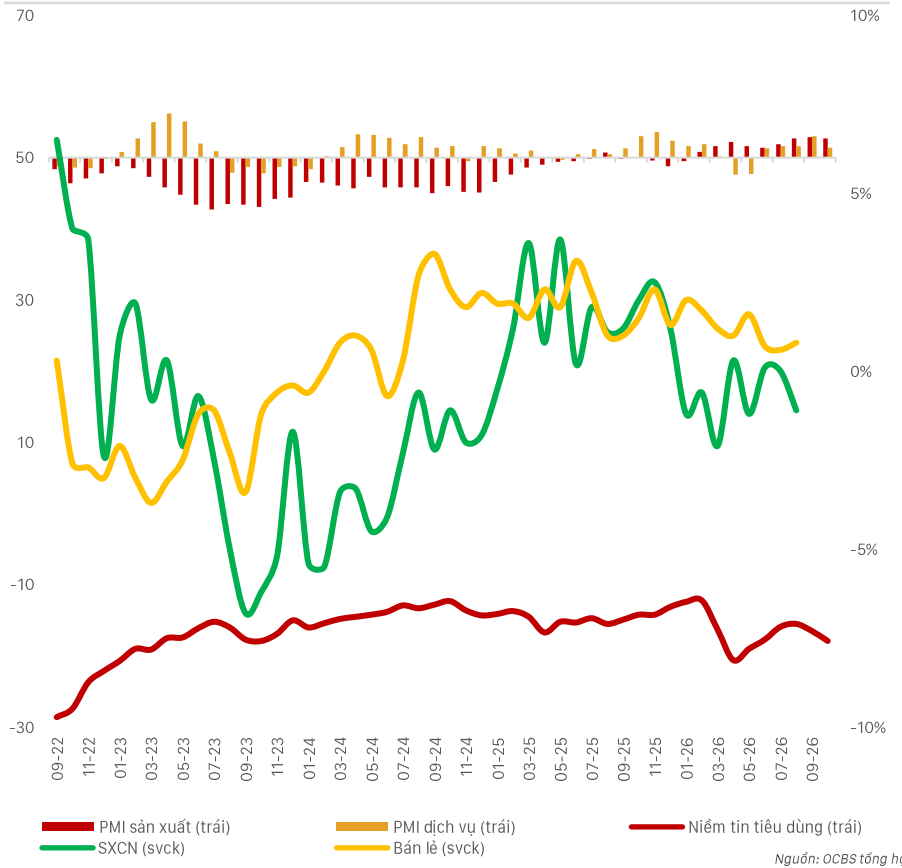
Nguồn: Eurostat GDP quý III, HICP sơ bộ T10, ECB 29/10, S&P Global qua Sharecast. Cập nhật 06/11/2026

EUROZONE GIẢM TỐC HOẠT ĐỘNG, ÁP LỰC NĂNG LƯỢNG TĂNG (2/2)

Ước tính GDP quý III cho thấy tăng trưởng tiếp diễn nhưng chậm hơn quý II. Giá năng lượng đẩy HICP lên cao, ECB giữ lãi suất tháng 10



Khảo sát tháng 10 cho thấy đà mở rộng và đơn hàng mới chậm lại



Nguồn: OCBS tổng hợp

NHẬT BẢN PHỤC HỒI VỪA PHẢI, BOJ GIỮ LÃI SUẤT (1/2)

PMI tổng hợp tháng 10 còn 52,1. BoJ giữ lãi suất 1,25% và dự báo GDP năm tài khóa 2026 tăng 0,7%

SẢN XUẤT

01 Dịch vụ cải thiện nhẹ, nhưng hoạt động chung tăng chậm hơn

52,1 PMI tổng hợp T10 so với 52,3 tháng 9	**51,7** PMI dịch vụ T10 so với 51,3 tháng 9
19 tháng PMI tổng hợp >50 chuỗi mở rộng liên tục	**5 tháng** PMI dịch vụ >50 chuỗi mở rộng liên tục

- Dịch vụ tăng nhanh hơn, song sản lượng chế tạo chậm lại kéo PMI tổng hợp giảm.
- Tuyển dụng và niềm tin yếu hơn cho thấy đà phục hồi chưa đồng đều.

ĐÀ PHỤC HỒI DUY TRÌ NHƯNG KHÔNG ĐỒNG ĐỀU

DỰ BÁO BOJ

02 BoJ dự báo tăng trưởng vừa phải và CPI còn vượt 2% trong ngắn hạn

+0,7% GDP năm tài khóa 2026 dự báo trung vị BoJ	**+2,5%** CPI năm tài khóa 2026 loại trừ thực phẩm tươi
+2,6% CPI năm tài khóa 2027 loại trừ thực phẩm tươi	**Thận trọng** Thu nhập và sức mua rủi ro từ giá năng lượng

- BoJ kỳ vọng nhu cầu AI và chính sách trong nước hỗ trợ tăng trưởng.
- Giá năng lượng và nguyên liệu cao làm giảm thu nhập thực. Các số trên là dự báo.

GIÁ NĂNG LƯỢNG HẠN CHẾ SỨC MUA

BOJ

03 BoJ giữ lãi suất sau đợt tăng tháng 9, vẫn để ngỏ điều chỉnh tiếp

1,25% **Lãi suất BoJ** quyết định ngày 30/10	**0 đcb** Thay đổi tháng 10 so với mức tháng 9
8–1 Kết quả biểu quyết ủng hộ giữ nguyên	**Năng lượng** **Rủi ro lạm phát** và biến động đồng yên

- BoJ đánh giá lạm phát nền nhìn chung phù hợp mục tiêu 2%.
- Hướng điều hành tiếp tục phụ thuộc kinh tế và giá cả. Chưa xác định nhịp tăng kế tiếp.

CHÍNH SÁCH TIẾP TỤC PHỤ THUỘC DỮ LIỆU

TRẠNG THÁI PHỤC HỒI

PMI còn trên 50 → Cầu nội địa vừa phải → CPI dự báo còn trên 2% → BoJ giữ ở 1,25%

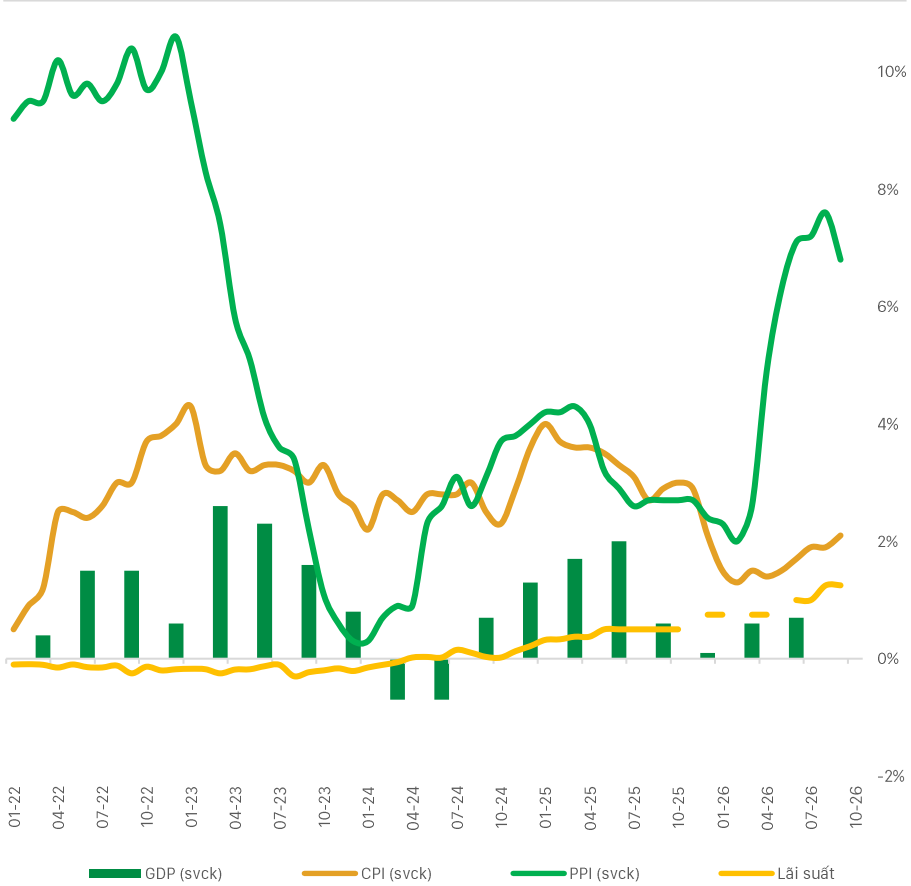
Nhật Bản duy trì phục hồi vừa phải. Khảo sát tháng 10 cho thấy dịch vụ hỗ trợ hoạt động nhưng việc làm và niềm tin chậm lại.

Đối với Việt Nam, cần theo dõi nhu cầu từ Nhật, biến động JPY và chi phí vốn của doanh nghiệp có nghĩa vụ ngoại tệ.

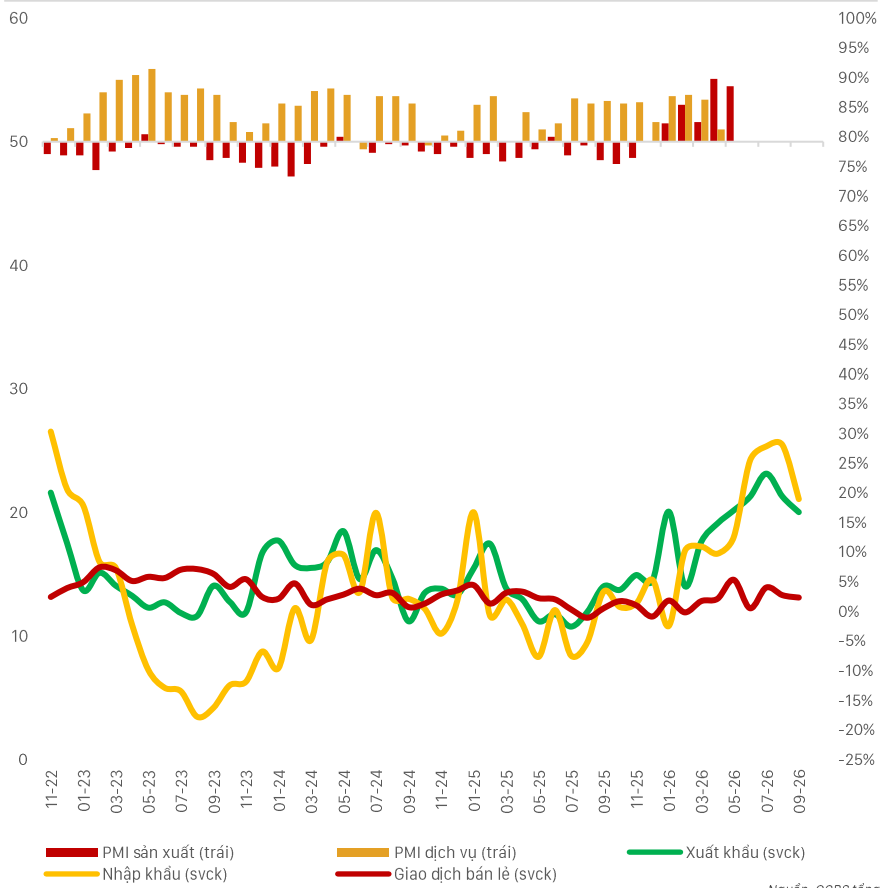
Nguồn: BoJ 30/10 và Outlook T10/2026, S&P Global qua ActionForex 05/11. FY2026: 04/2026–03/2027

NHẬT BẢN PHỤC HỒI VỪA PHẢI, BOJ GIỮ LÃI SUẤT (2/2)

BoJ dự báo tăng trưởng vừa phải và CPI còn vượt 2% trong ngắn hạn



Dịch vụ cải thiện nhẹ, nhưng hoạt động chung tăng chậm hơn



Nguồn: OCBS tổng hợp



VĨ MÔ VIỆT NAM

VIỆT NAM GIỮ ĐÀ TĂNG, CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CẢI THIỆN

IIP 10 tháng tăng 12,4%, FDI giải ngân tăng 13,1%. CPI bình quân lên 4,57% vẫn hạn chế dư địa chính sách

TĂNG TRƯỞNG

1 GDP & cấu trúc tăng trưởng

+9,01%	+9,95%
GDP 9T/2026	GDP quý III

Công nghiệp – xây dựng tăng 11,21%; dịch vụ tăng 8,69%.

2 Sản xuất công nghiệp

52,3	+12,4%
PMI tháng 10	IIP 10 tháng

PMI trên 50 tháng thứ 16, nhưng tăng đơn hàng chậm lại.

CẦU NỘI ĐỊA & ĐẦU TƯ

3 Tiêu dùng & du lịch

19,5 triệu	+7,7%
khách quốc tế 10T	**bán lẻ thực**

Bán lẻ danh nghĩa tăng 13,5%, khách quốc tế tăng 13,8%.

4 Đầu tư & FDI

783,9	24,08
nghìn tỷ đồng NSNN 10T	**tỷ USD FDI thực hiện**

Vốn NSNN tăng 19,8%, FDI giải ngân tăng 13,1%.

CÂN BẰNG VĨ MÔ

5 Lạm phát & tín dụng

+4,57%	+10,89%
CPI bình quân 10T	tín dụng đến 28/9

Tín dụng/huy động còn dùng kỳ 28/9, chưa suy rộng cho T10.

6 Đối ngoại & tiền tệ

–12,07	25.800
tỷ USD cán cân 10T	VND/USD VCB bán 5/11

Tháng 10 xuất siêu 7,31 tỷ USD, nhập siêu lũy kế thu hẹp.

KỊCH BẢN

- GDP khoảng 9,3–9,9% nếu quý IV tăng 10–12%
- CPI bình quân khoảng 4,6–4,8% nếu áp lực giá còn cao
- Tăng trưởng cần đi cùng kiểm soát tỷ giá và chất lượng tín dụng

Đầu tư và sản xuất là trụ cột tăng trưởng. Xuất siêu lớn trong tháng 10 hỗ trợ tỷ giá, nhưng đơn hàng mới và lạm phát vẫn cần theo dõi.

Nguồn: Cục Thống kê, VN Macro Data 091126, S&P Global. GDP kỳ 9T, hoạt động kỳ 10T, tỷ giá ngày 05/11/2026

GDP QUÝ III TĂNG TỐC NHƯNG TĂNG TRƯỞNG HAI CHỮ SỐ CẢ NĂM CÒN THÁCH THỨC

GDP 9 tháng tăng 9,01%; riêng quý III tăng 9,95%. Số liệu cập nhật điều chỉnh tăng trưởng quý I lên 8,15%, quý II lên 8,81% và 6 tháng lên 8,49%. Quán tính tăng trưởng đã mạnh hơn, nhưng số quý III cần được đặt trong cơ cấu cả năm khi đánh giá khả năng đạt hai chữ số.

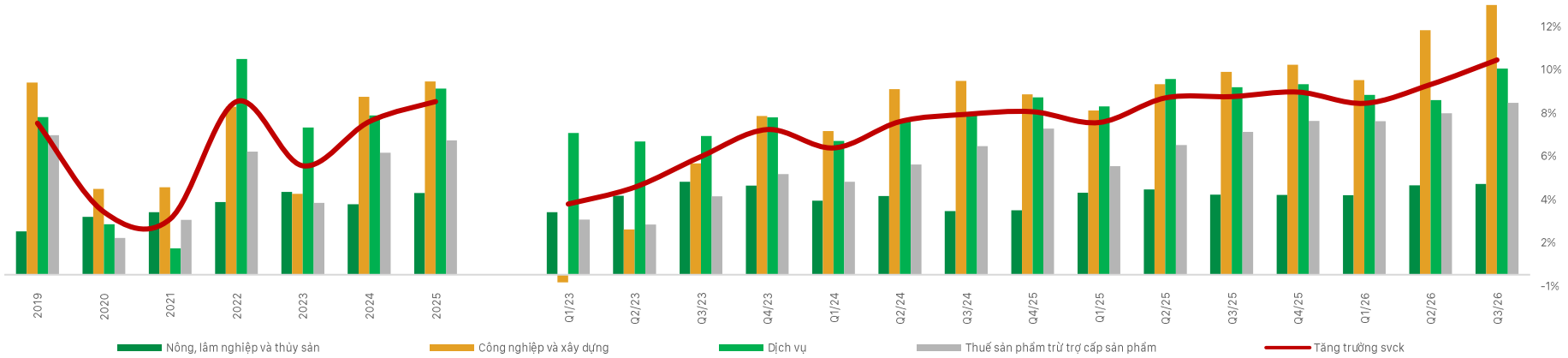
Công nghiệp và xây dựng dẫn dắt. Giá trị tăng thêm khu vực này tăng 11,21%, đóng góp 49,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%. Chế biến, chế tạo tăng 11,36% và xây dựng tăng 12,22%, phản ánh sự mở rộng của năng lực sản xuất và đầu tư hạ tầng.

Đầu tư tăng nhanh hơn tiêu dùng. Tích lũy tài sản 9 tháng tăng 17,88%, so với tiêu dùng cuối cùng tăng 8,51%. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ theo giá so sánh tăng 21,29%, trong khi nhập khẩu tăng 27,19%. Đầu vào nhập khẩu tạo tiền đề cho sản xuất nhưng cần chuyển hóa thành sản lượng và doanh thu để hạn chế sức ép cán cân đối ngoại.

Kịch bản cả năm phụ thuộc mạnh vào quý IV. Minh họa với tỷ trọng quý IV bằng khoảng 30% GDP năm trước, quý IV tăng 10%, 11% hoặc 12% sẽ tương ứng tăng trưởng cả năm khoảng 9,3%, 9,6% hoặc 9,9%. Để cả năm đạt 10%, quý IV cần tăng khoảng 12,3% theo cùng giả định.

Triển vọng được hỗ trợ bởi vốn NSNN thực hiện tăng 19,0%, FDI giải ngân tăng 12,1% và bán lẻ thực tăng 7,8%. Điều kiện để duy trì đà tăng là giải ngân đúng tiến độ, công suất mới đi vào hoạt động và đơn hàng xuất khẩu ổn định. PMI tháng 9 hạ về 51,9 cùng lạm phát tăng cho thấy cần theo dõi chất lượng tăng trưởng, thay vì chỉ ngoại suy tốc độ quý III.

Gdp quý iii tăng tốc nhưng tăng trưởng hai chữ số cả năm còn thách thức



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

CPI TĂNG CHẬM THEO THÁNG, LẠM PHÁT BÌNH QUÂN CÒN CAO (1/2)

CPI tháng 10 tăng 0,20% so tháng trước và 5,09% cùng kỳ. CPI bình quân 10 tháng tăng 4,57%

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Nhiên liệu đẩy giá tăng, thực phẩm giúp giảm bớt áp lực

CPI tháng 10/2026

+0,20% so với T9

+5,09% so với cùng kỳ

Giá xăng tăng 6,86% so với tháng trước.

CPI bình quân & lõi

+4,57% CPI bình quân 10T

+4,24% CPI lõi 10T

CPI lõi T10 giảm 0,05% so tháng trước.

Đóng góp giao thông

+2,66% giao thông m/m

+0,27đpt đóng góp CPI

Xăng +6,86%, diesel +0,75% m/m.

Lạm phát lõi và thực phẩm

+4,04% CPI lõi T10 cùng kỳ

−0,24% ăn uống m/m

Ăn uống kéo CPI giảm 0,09 điểm %.

CPI cùng kỳ ổn định quanh 5%, trong khi lạm phát lõi tháng 10 hạ nhiệt. Năng lượng vẫn là rủi ro đối với vận tải và giá đầu vào.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản giá phụ thuộc diễn biến năng lượng trong quý IV

CPI bình quân 2026

4,6–4,8%

Xấp xỉ nếu CPI cùng kỳ T11–12 bình quân 4,8–6,0%. Đây là kịch bản.

Lạm phát nền

Còn cao

CPI lõi tháng 10 tăng 4,04% cùng kỳ, thấp hơn mức 4,45% tháng 9.

Các biến số cần theo dõi trong quý IV

- Nhiên liệu và chi phí vận tải có thể tiếp tục truyền dẫn vào giá hàng hóa, dịch vụ.
- CPI lõi giảm theo tháng, cần thêm dữ liệu xác nhận xu hướng.

Ưu tiên

Ổn định giá và chất lượng tín dụng

Theo dõi giá năng lượng, điều chỉnh giá dịch vụ và sức mua thực. Không ngoại suy từ một tháng CPI thấp.

Áp lực năng lượng | Lạm phát lõi hạ nhiệt | CPI bình quân 4,57% | Ổn định vĩ mô

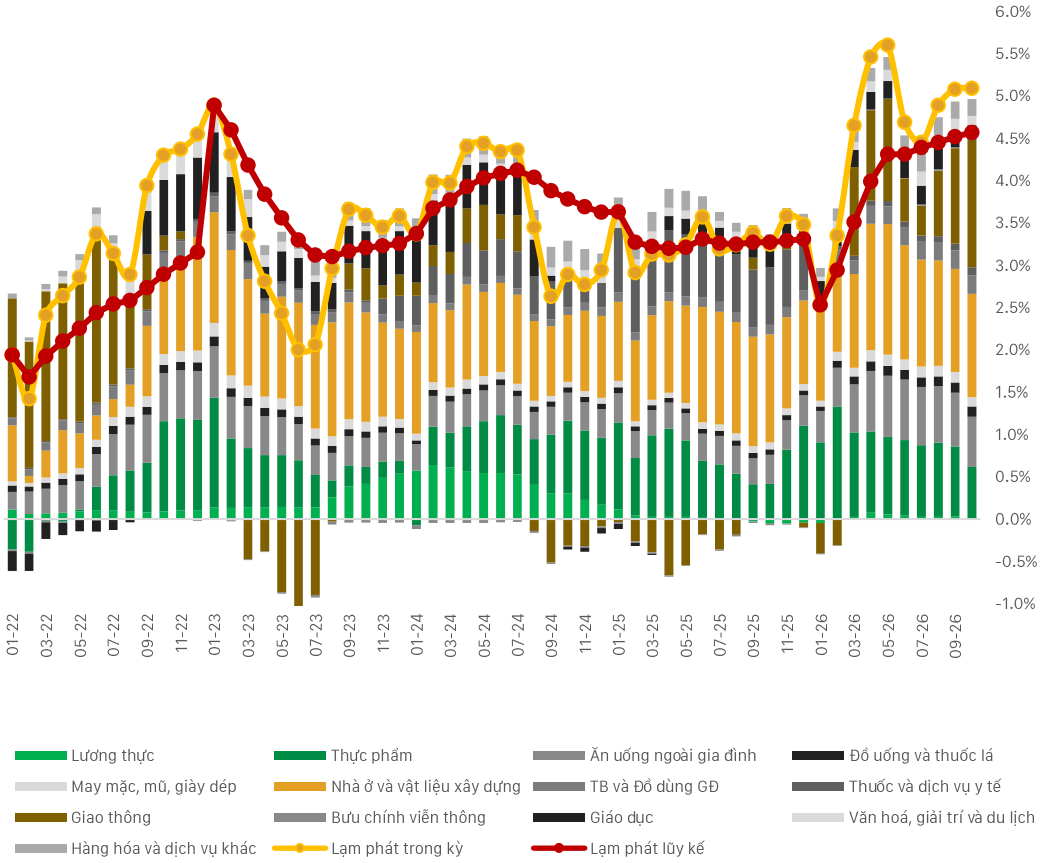
Tốc độ tăng CPI tháng 10 chậm lại nhờ thực phẩm, nhưng lạm phát bình quân vẫn nhích lên và chưa tạo nhiều dư địa nới lỏng.

Khoảng 4,6–4,8% là kịch bản có điều kiện. Rủi ro chính nằm ở năng lượng, chi phí vận tải và biến động giá dịch vụ cuối năm.

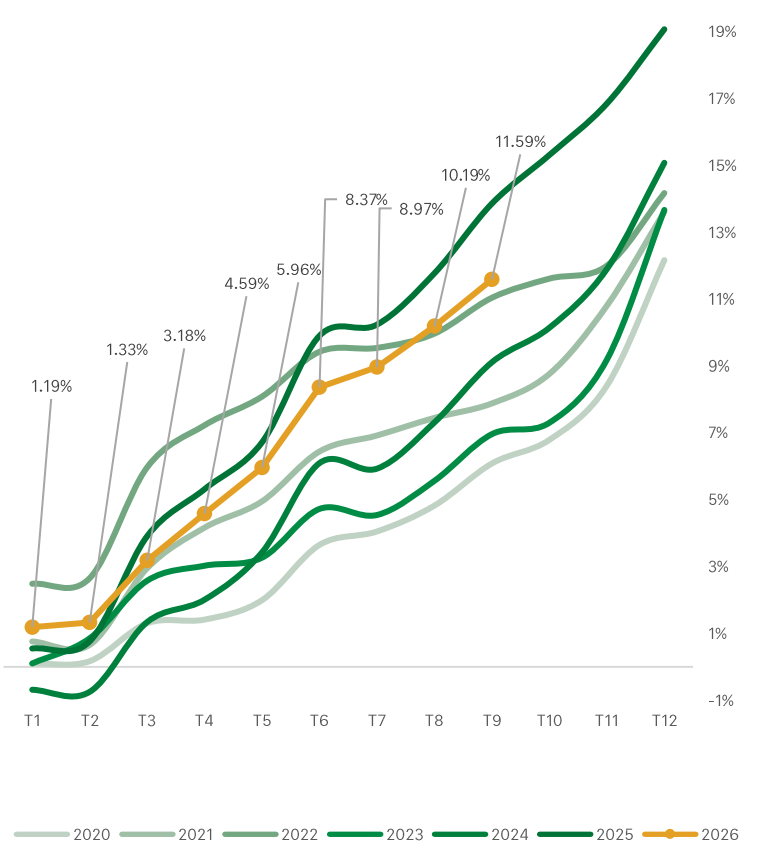
Nguồn: Cục Thống kê, báo cáo và bảng CPI T10/2026 trong thư mục. Kịch bản CPI là minh họa tính toán

CPI TĂNG CHẬM THEO THÁNG, LẠM PHÁT BÌNH QUÂN CÒN CAO (2/2)

Nhiên liệu đẩy giá tăng, thực phẩm giúp giảm bớt áp lực



Tăng trưởng tín dụng: tốc độ hiện tại tương đối phù hợp để đạt 15–16% cho cả năm



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

TỶ GIÁ HẠ NHIỆT, THANH KHOẢN TIẾP TỤC ĐIỀU TIẾT (1/3)

OCBS

USD/VND giảm đầu tháng 11, lãi suất huy động giảm ở kỳ 20/10. Lạm phát vẫn là ràng buộc

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

OMO hỗ trợ vốn ngắn hạn, chưa đủ cơ sở kết luận xu hướng nới lỏng dài hạn

OMO cuối tháng 10 **143,0** nghìn tỷ đồng	OMO ngày 5/11 **149,5** nghìn tỷ đồng	Huy động đến 28/9 **+9,78%** so với cuối năm 2025
Tín dụng đến 28/9 **+10,89%** so với cuối năm 2025	OMO ròng tháng 10 **−7,5** nghìn tỷ đồng, hút ròng	Tiền gửi 13 tháng **5,36–5,78%** QĐ/CP lớn ngày 20/10

USD/VND giảm, cán cân thương mại tháng 10 hỗ trợ nguồn ngoại tệ

VCB ngày 5/11 mua/bán 25.390–25.800 VND/USD. Giá bán giảm 370 đồng so 7/10. DXY ngày 6/11 trong bộ dữ liệu ở 101,97.

TRIỂN VỌNG QUÝ IV

Áp lực tỷ giá giảm bớt, lãi suất còn phụ thuộc nguồn vốn và CPI

THANH KHOẢN
phân hóa
OMO lưu hành 149,5 nghìn tỷ ngày 5/11. Số tín dụng và huy động còn ở kỳ 28/9.

LÃI SUẤT
đã hạ
Lãi suất 13 tháng giảm so kỳ 6/10. Cần theo dõi độ bền xu hướng.

TỶ GIÁ
đã hạ nhiệt
Xuất siêu tháng 10 và FDI hỗ trợ ngoại tệ. Nhập siêu 10 tháng vẫn ở mức 12,07 tỷ USD.

CHÍNH SÁCH
linh hoạt
Theo dõi OMO, lãi suất liên ngân hàng và số liệu huy động, tín dụng kỳ mới.

OMO tháng 10 hút ròng khoảng 7,5 nghìn tỷ, nhỏ hơn mức 82,3 nghìn tỷ của tháng 9.

OMO điều tiết linh hoạt | Huy động giảm | USD/VND hạ nhiệt | Chính sách linh hoạt

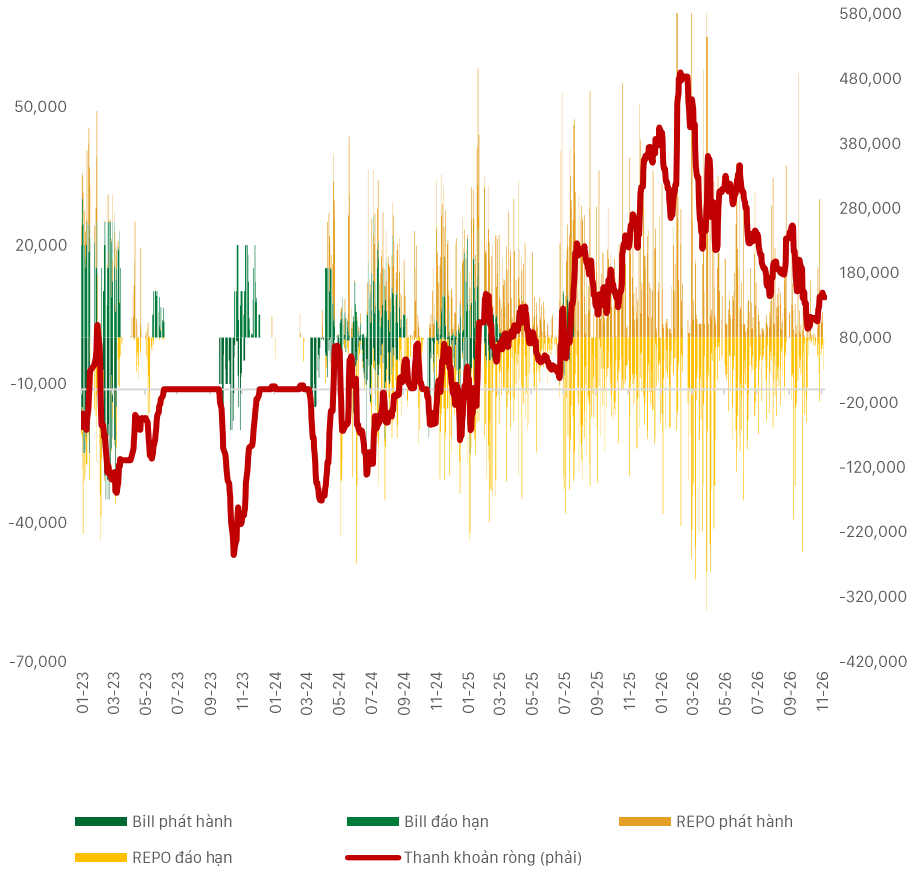
Tỷ giá và lãi suất huy động đã giảm so đầu tháng 10. Chênh lệch tín dụng, huy động chưa có số mới đồng kỳ để kết luận.

Xuất siêu và FDI hỗ trợ ổn định ngoại hối, song CPI cao và nhu cầu vốn cuối năm vẫn cần theo dõi. OMO phản ánh điều tiết ngắn hạn.

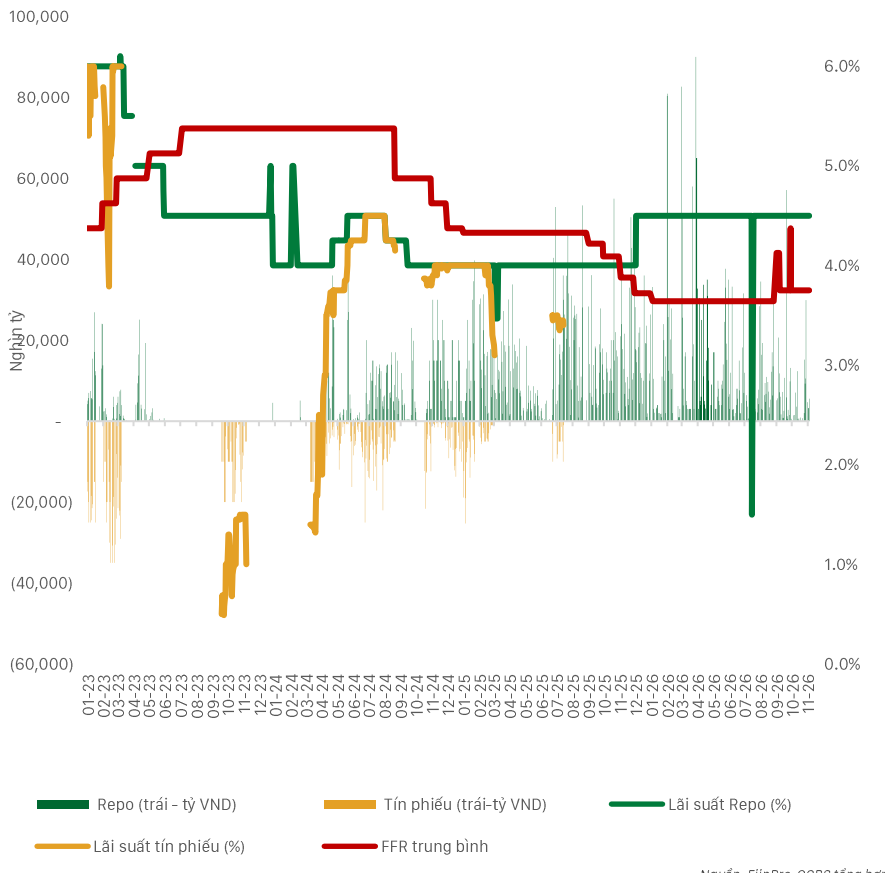
Nguồn: VN Macro Data 091126, các sheet CSTT, FX (2), DXY, LSHĐ (2). Tín dụng/huy động: số kỳ 28/9

TỶ GIÁ HẠ NHIỆT, THANH KHOẢN TIẾP TỤC ĐIỀU TIẾT (2/3)

OMO hỗ trợ vốn ngắn hạn, chưa đủ cơ sở kết luận xu hướng nới lỏng dài hạn



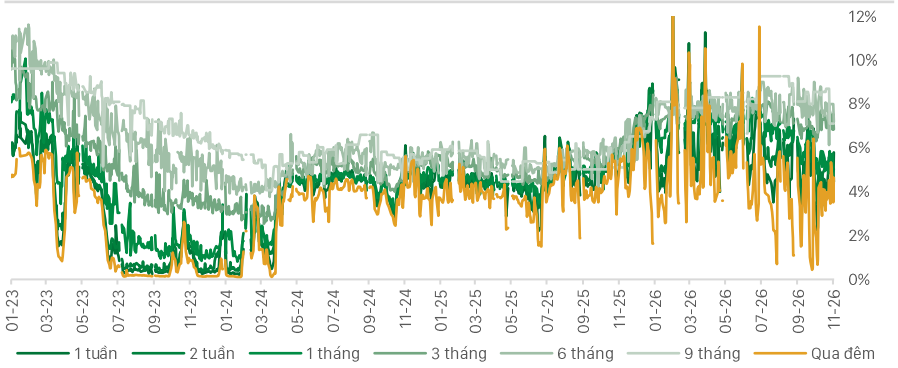
Repo trở thành công cụ chủ đạo để bù đắp thiếu hụt thanh khoản



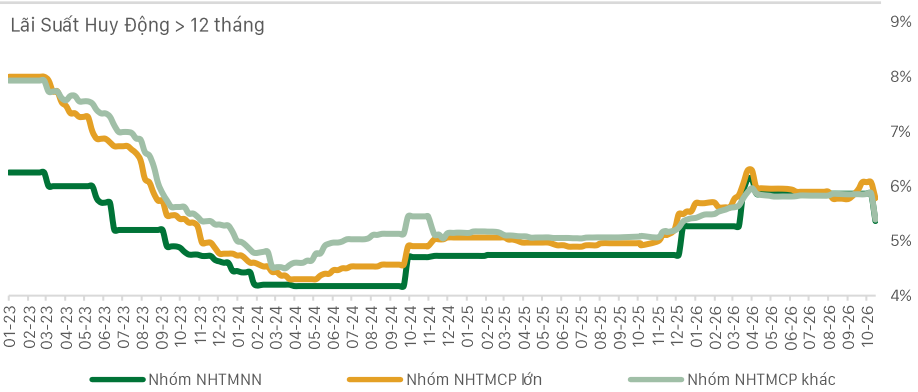
Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

TỶ GIÁ HẠ NHIỆT, THANH KHOẢN TIẾP TỤC ĐIỀU TIẾT (3/3)

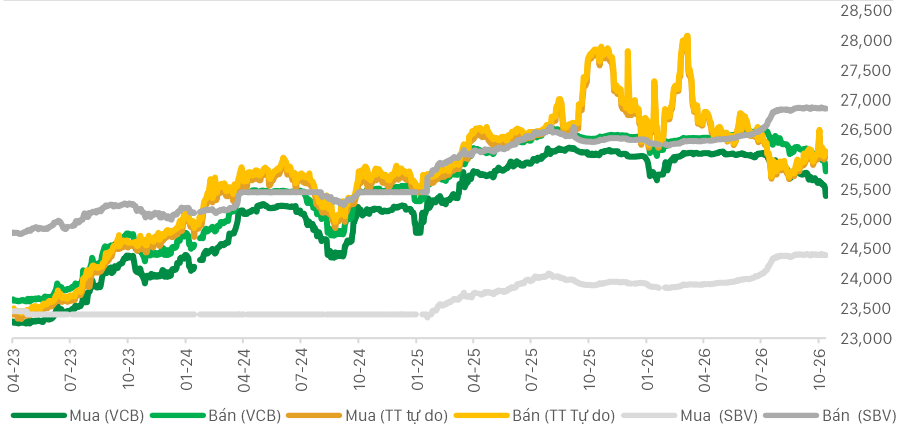
Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh cho thấy thanh khoản hệ thống vẫn chịu áp lực cơ cấu



lãi suất huy động đã giảm so đầu tháng 10



USD/VND hạ nhiệt so với các nhịp căng thẳng trước. *Đơn vị: VND/USD*



DXY biến động về vùng dưới 100



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

XUẤT SIÊU THÁNG 10 THU HẸP ĐÁNG KỂ, NHẬP SIÊU LŨY KẾ (1/3)

OCBS

Xuất khẩu tháng 10 tăng 51,4% cùng kỳ, cán cân thặng dư 7,31 tỷ USD. Nhập siêu 10 tháng còn 12,07 tỷ USD

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Tháng thứ hai xuất siêu, quy mô thương mại vượt 1.000 tỷ USD

499,24 tỷ USD
Xuất khẩu 10T/2026
tăng 27,5%

511,31 tỷ USD
Nhập khẩu 10T/2026
tăng 37,4%

–12,07 tỷ USD
Cán cân 10 tháng
nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu

+7,31 tỷ USD
Cán cân tháng 10
xuất khẩu 64,67, nhập khẩu 57,36 tỷ

FDI và thị trường lớn chi phối hoạt động thương mại

- Xuất khẩu khu vực FDI chiếm 81,2% tổng kim ngạch 10 tháng.
- Hoa Kỳ chiếm 31,9% xuất khẩu, Trung Quốc chiếm 41,6% nhập khẩu.

TRIỂN VỌNG

Cán cân cải thiện nhưng đơn hàng còn rủi ro

Phân hóa theo khu vực kinh tế

+25,76 tỷ	–37,83 tỷ	81,2%
FDI xuất siêu	trong nước nhập siêu	xuất khẩu thuộc khu vực FDI

Kịch bản cải thiện phụ thuộc sức bền xuất khẩu

Xuất khẩu tháng 10 tăng 8,7% so tháng trước, nhập khẩu giảm 1,4%.
Cán cân T9 điều chỉnh lên +1,30 tỷ USD, T10 đạt +7,31 tỷ USD.
Đơn hàng xuất khẩu PMI vẫn giảm, cần theo dõi khả năng duy trì xuất siêu.

Rủi ro cần theo dõi

- Phụ thuộc FDI và thị trường lớn làm tăng rủi ro từ thuế quan, xuất xứ và biến động cầu. Nhập siêu lũy kế vẫn tạo nhu cầu ngoại tệ.

HÀM Ý CHÍNH

Quy mô thương mại tăng | FDI vẫn là trụ đỡ | T10 xuất siêu 7,31 tỷ | Đơn hàng cần theo dõi

Thặng dư tháng 10 cải thiện rõ cân đối ngoại thương. Tuy vậy, nhập khẩu 10 tháng vẫn tăng nhanh hơn xuất khẩu và cán cân năm chưa đảo chiều.

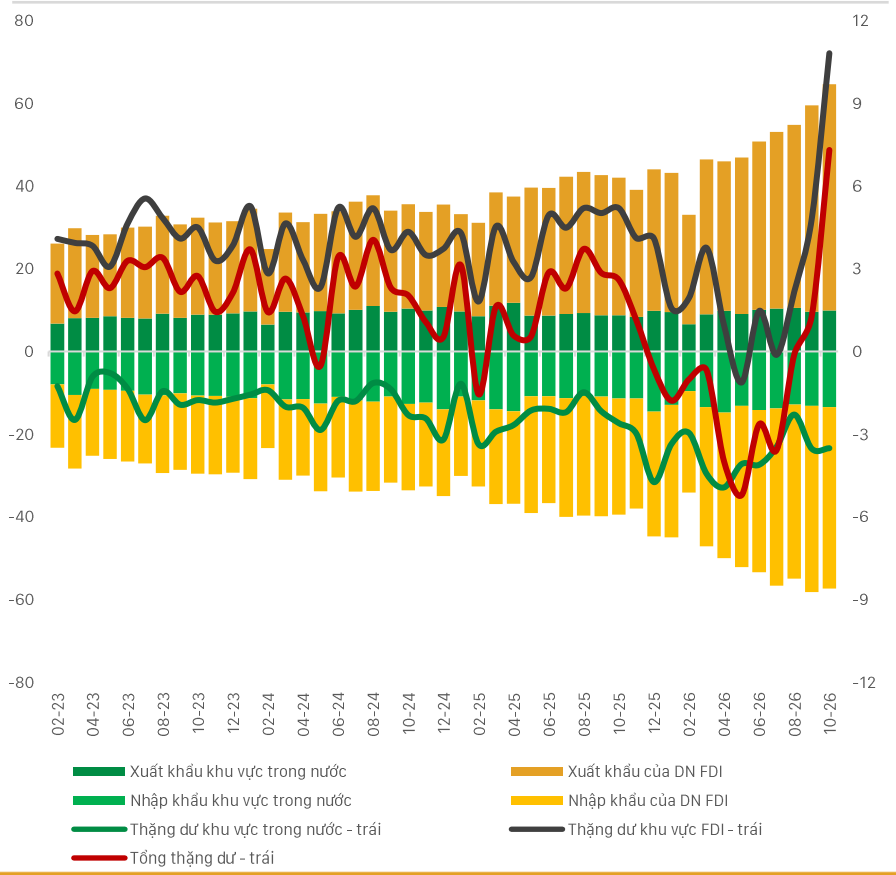
Cần theo dõi khả năng chuyển đầu vào nhập khẩu thành sản lượng xuất khẩu, độ bền đơn hàng và mức đóng góp của doanh nghiệp trong nước.

Nguồn: Cục Thống kê, báo cáo và bảng XNK T10/2026, S&P Global Vietnam PMI T10. Số liệu thương mại sơ bộ

XUẤT SIÊU THÁNG 10 THU HẸP ĐÁNG KỂ, NHẬP SIÊU LŨY KẾ (2/3)

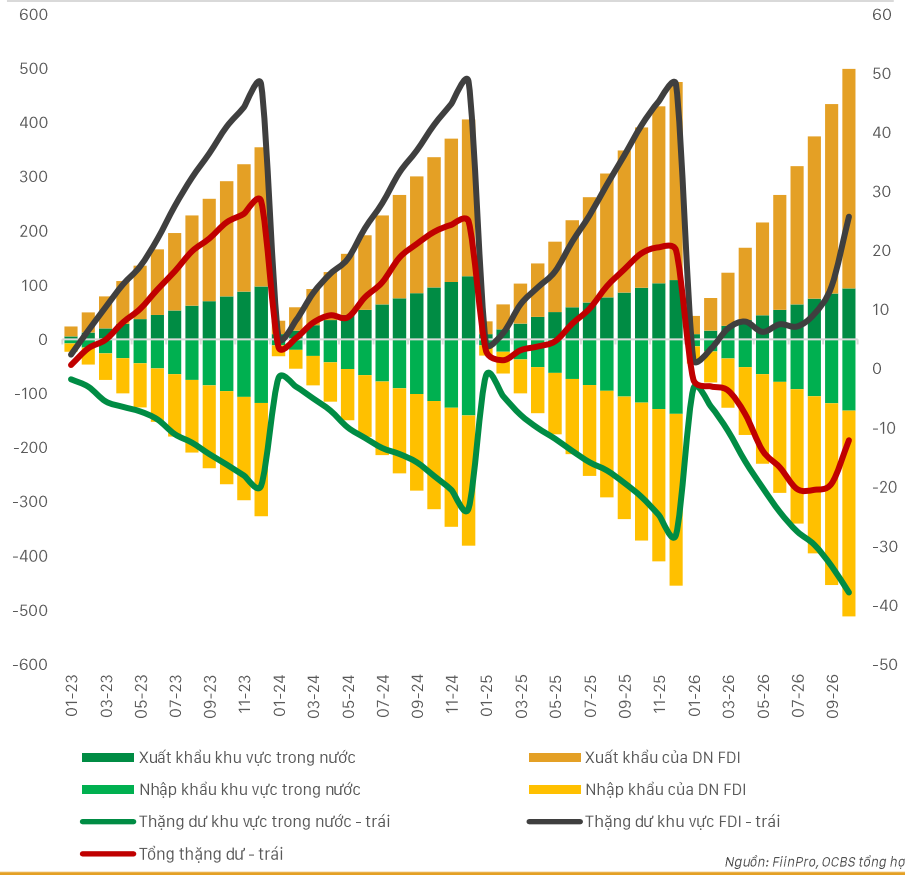
Tháng thứ hai xuất siêu, quy mô thương mại vượt 1.000 tỷ USD

Đơn vị: tỷ USD



Cán cân thương mại luỹ kế

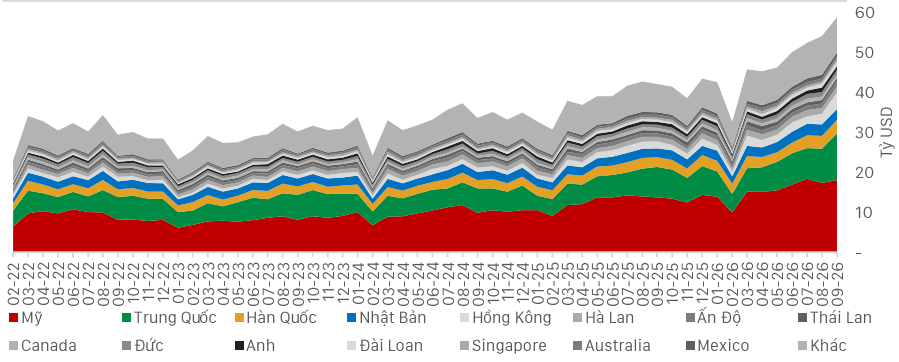
Đơn vị: tỷ USD



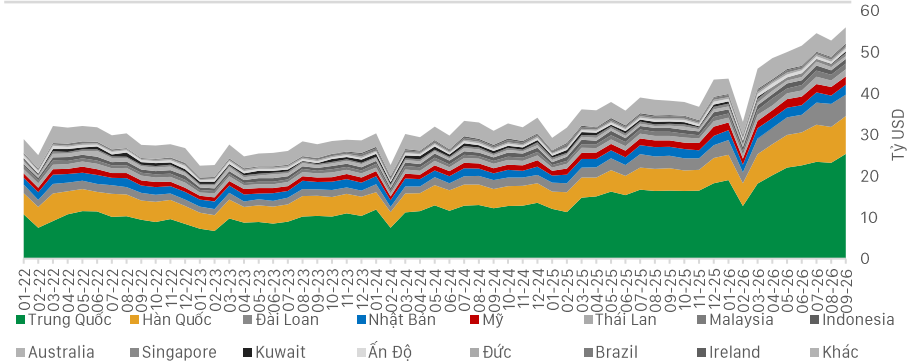
Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

XUẤT SIÊU THÁNG 10 THU HẸP ĐÁNG KỂ, NHẬP SIÊU LŨY KẾ (3/3)

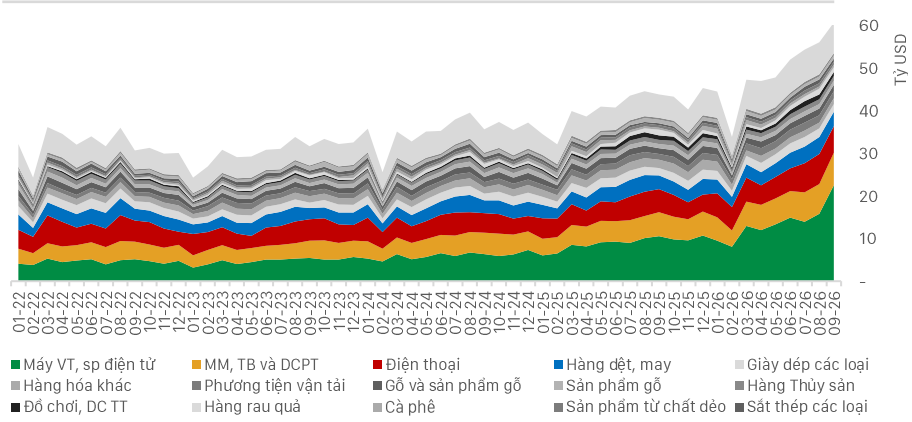
Mỹ tiếp tục là động lực xuất khẩu lớn nhất, trong khi thị trường châu Á duy trì vai trò bổ trợ quan trọng



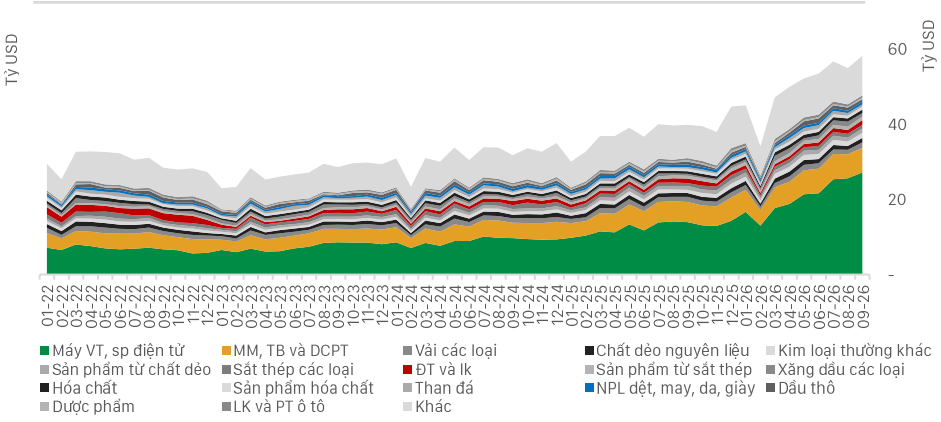
Nhập khẩu tập trung mạnh từ Trung Quốc và Hàn Quốc, phản ánh mức độ phụ thuộc lớn vào chuỗi cung ứng đầu vào khu vực



Máy vi tính – điện tử và nhóm công nghệ tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng xuất khẩu



Nhập khẩu máy móc, điện tử và nguyên liệu tăng mạnh cho thấy doanh nghiệp đang mở rộng công suất sản xuất



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

CÔNG NGHIỆP TĂNG MẠNH, PMI CẢI THIỆN NHƯNG ĐƠN HÀNG CHẬM (1/2))

OCBS

IIP tháng 10 tăng 15,0% cùng kỳ, PMI lên 52,3. Giá đầu vào và thời gian giao hàng gây sức ép sản xuất

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Sản lượng thực tăng cao, nhưng tốc độ tăng đơn hàng khảo sát tiếp tục giảm

PMI sản xuất tháng 10

52,3 điểm so với 51,9 tháng 9

16 tháng liên tiếp trên ngưỡng 50

PMI tăng, song động lực mới còn yếu.

Động lực đơn hàng

Đơn hàng mới	Đơn hàng XK
tăng chậm nhất 6 tháng	tiếp tục giảm

Sản lượng tăng chậm nhất 6 tháng, việc làm giảm tháng thứ ba.

IIP tháng 10

+15,0% so với cùng kỳ

+2,3% so với tháng trước

Sản lượng còn tăng cao so cùng kỳ và tăng theo tháng.

IIP 10 tháng & chế biến

+12,4% IIP 10 tháng

+13,0% chế biến, chế tạo

IIP 10 tháng cao nhất từ năm 2019.

Giá đầu vào tăng nhanh nhất từ tháng 6, thời gian giao hàng kéo dài mạnh. Chỉ số giao hàng đảo chiều trong PMI nên PMI tăng không đồng nghĩa đơn hàng tăng tốc.

KỊCH BẢN 2026

Tăng trưởng hai chữ số cần sức bền đơn hàng và công suất

Điều kiện PMI

Trên 50

Điều kiện là đơn hàng và sản lượng cùng giữ đà, không chỉ chỉ số PMI tổng hợp.

IIP cả năm

12–13%

Kịch bản giữ nhịp gần mức 10 tháng, phụ thuộc đơn hàng và nguồn nguyên liệu.

Động lực và rủi ro quý IV

- FDI, đầu tư hạ tầng và công suất mới tiếp tục hỗ trợ sản lượng công nghiệp.
- Đơn hàng xuất khẩu yếu, giao hàng chậm và chi phí nhiên liệu có thể hạn chế sản lượng.

12,5–13,5 **chế biến, chế tạo cả năm (%)**

Kịch bản gần nhịp 10 tháng. Cần kiểm tra đơn hàng và khả năng chuyển chi phí vào giá bán.

HÀM Ý

PMI lên 52,3 | IIP 10T tăng 12,4% | Chế biến - chế tạo dẫn dắt | Đơn hàng XK cần theo dõi

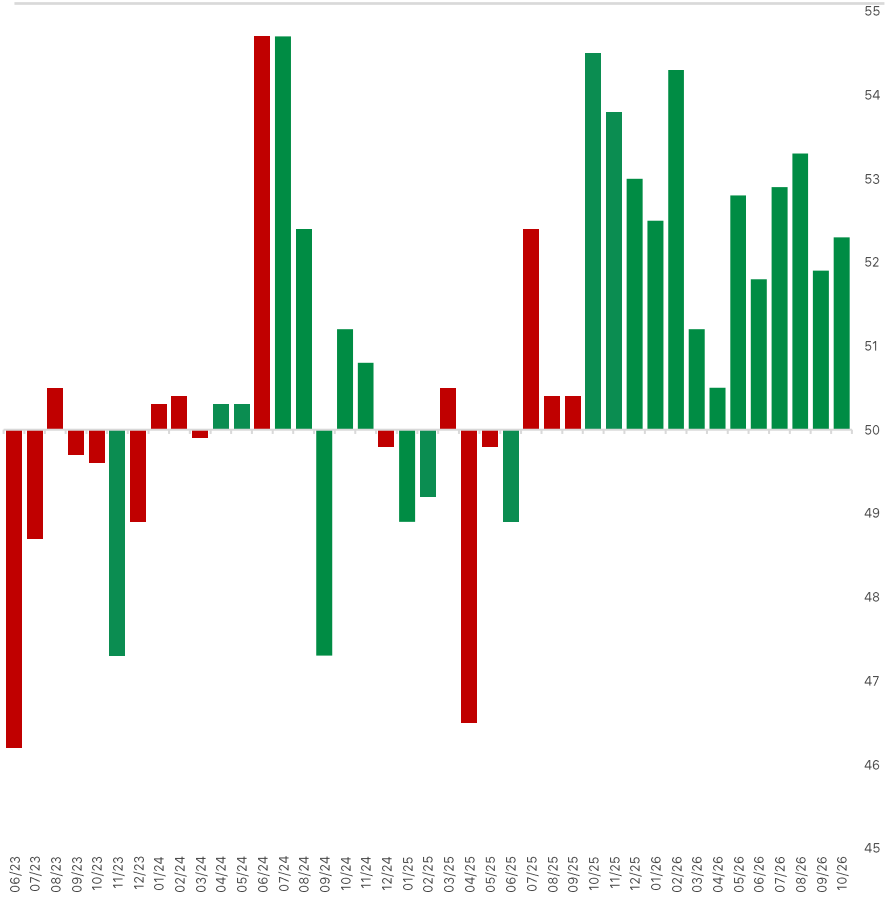
IIP xác nhận sản lượng tăng cao. PMI tháng 10 cải thiện nhưng đơn hàng, sản lượng tăng chậm hơn, cho thấy động lực mới chưa mạnh tương ứng.

Triển vọng còn được hỗ trợ bởi đầu tư và công suất. Rủi ro chính là đơn hàng xuất khẩu, nguồn nguyên liệu và áp lực biên lợi nhuận.

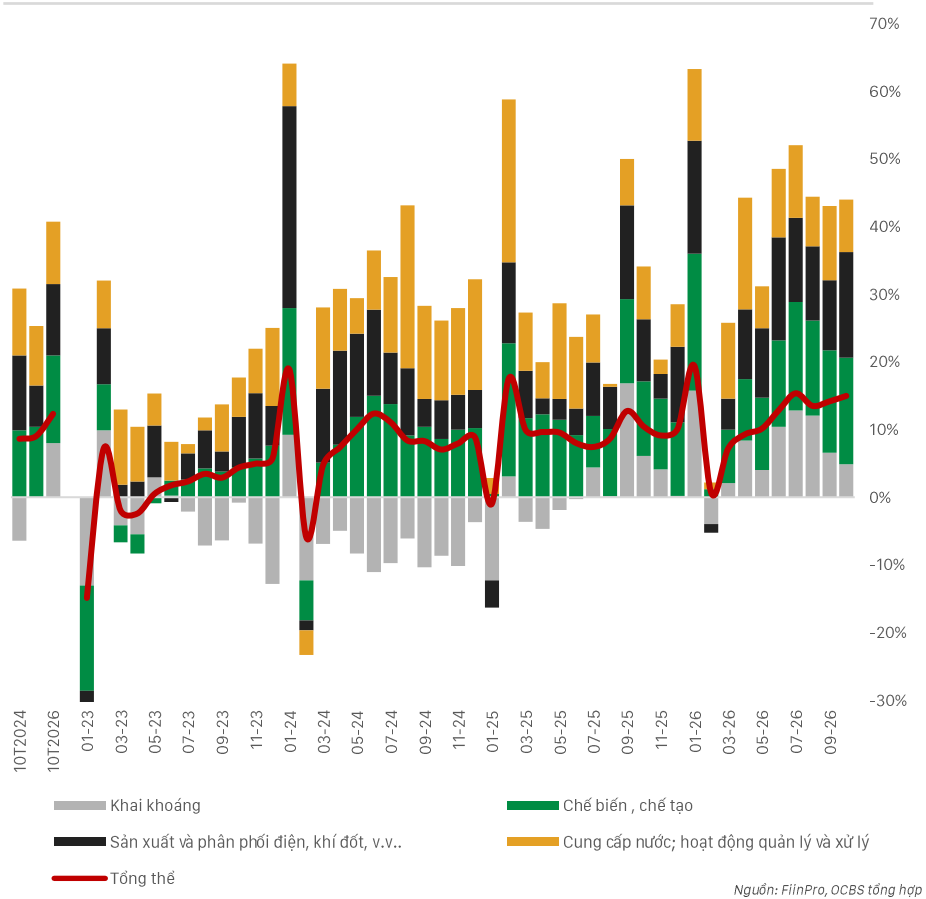
Nguồn: Cục Thống kê T10/2026, S&P Global Vietnam PMI 02/11/2026. Khoảng tăng cả năm là kịch bản phân tích

CÔNG NGHIỆP TĂNG MẠNH, PMI CẢI THIỆN NHƯNG ĐƠN HÀNG CHẬM (2/2)

PMI cải thiện nhưng đơn hàng chậm



Sản lượng thực tăng cao, nhưng tốc độ tăng đơn hàng khảo sát tiếp tục giảm



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

TIÊU DÙNG THỰC GIỮ NHỊP, DU LỊCH CẦN TĂNG TỐC CUỐI NĂM (1/2)

OCBS

Bán lẻ thực 10 tháng tăng 7,7%, khách quốc tế đạt 19,5 triệu lượt. Hai tháng cuối năm quyết định mục tiêu du lịch

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Tiêu dùng thực và du lịch tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng

Khách quốc tế tháng 10

1,85 triệu — tăng 4,9% so tháng trước

+7,0% — so với cùng kỳ

Khách tăng trở lại theo tháng, cùng kỳ tăng chậm hơn.

Lũy kế 10 tháng

19,5 triệu — khách quốc tế

+13,8% — so với cùng kỳ

Đường hàng không chiếm 83,2% tổng lượng khách.

Bán lẻ & dịch vụ tháng 10

695,5 — nghìn tỷ đồng

+14,7% — so với cùng kỳ

Tăng 1,0% so với tháng trước.

Lũy kế 10 tháng

6.618,9 — nghìn tỷ đồng

+7,7% — tăng thực sau loại trừ giá

Danh nghĩa tăng 13,5%, tăng thực vẫn ổn định.

Lưu trú, ăn uống và lữ hành tiếp tục tăng nhanh. Tuy nhiên, giá cả làm tăng danh nghĩa cao hơn đáng kể mức cải thiện sức mua thực.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản 24–25 triệu khách cần tăng mạnh trong hai tháng cuối

Khách quốc tế 2026

24–25 triệu

Còn cần 4,5–5,5 triệu lượt trong T11–12 để đạt 24–25 triệu cả năm.

Bán lẻ & dịch vụ

13–14%

7–8%

Danh nghĩa 13–14%, thực 7–8%, nếu giữ nhịp 10 tháng.

Động lực và ràng buộc chính

Mùa cao điểm quốc tế và kết nối hàng không hỗ trợ nhu cầu cuối năm.

Lưu trú, ăn uống 10 tháng tăng 17,0%, doanh thu lữ hành tăng 18,1%.

Mốc 24–25 triệu khách là kịch bản đòi hỏi tăng tốc rõ so tháng 10.

2,75 triệu khách/tháng để đạt 25 triệu cả năm. Mốc 24 triệu cần 2,25 triệu/tháng trong T11–12.

HÀM Ý CHÍNH

- Du lịch cần tăng tốc
- Tiêu dùng thực giữ nhịp
- Dịch vụ tiếp tục dẫn dắt
- CPI là ràng buộc chính

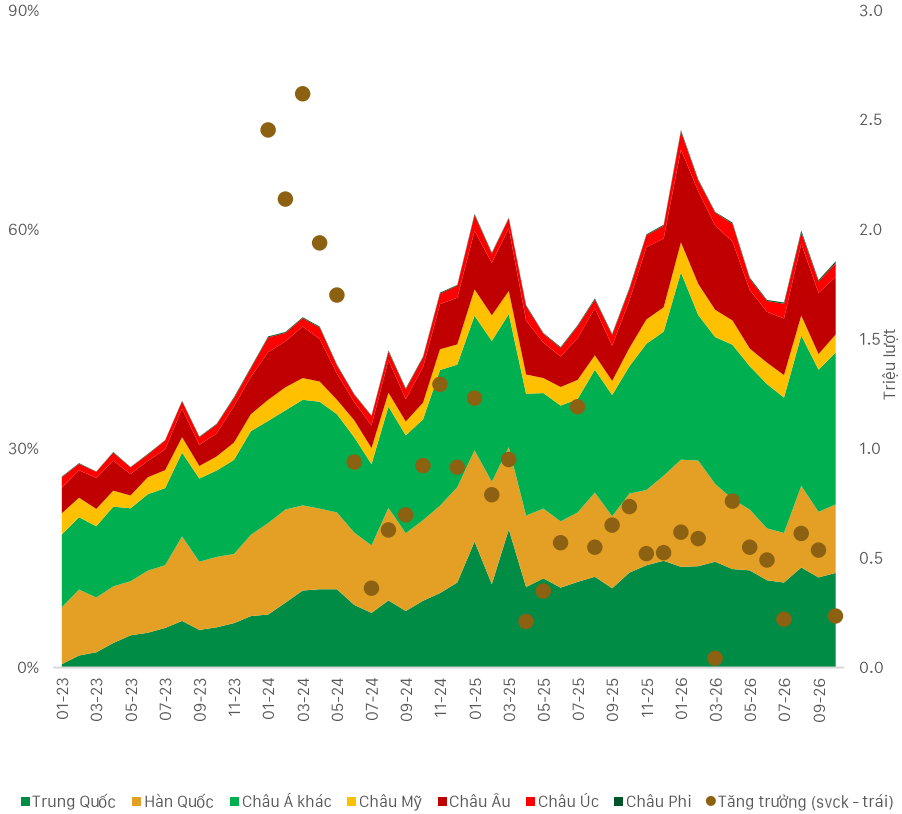
Bán lẻ thực tăng 7,7% tiếp tục hỗ trợ cầu nội địa. Khách quốc tế phục hồi theo tháng nhưng chưa đạt nhịp cần thiết cho kịch bản cả năm.

Kịch bản 24–25 triệu khách đòi hỏi T11–12 đạt 2,25–2,75 triệu lượt/tháng. Đây là ngưỡng cần đạt, chưa phải dự báo chắc chắn.

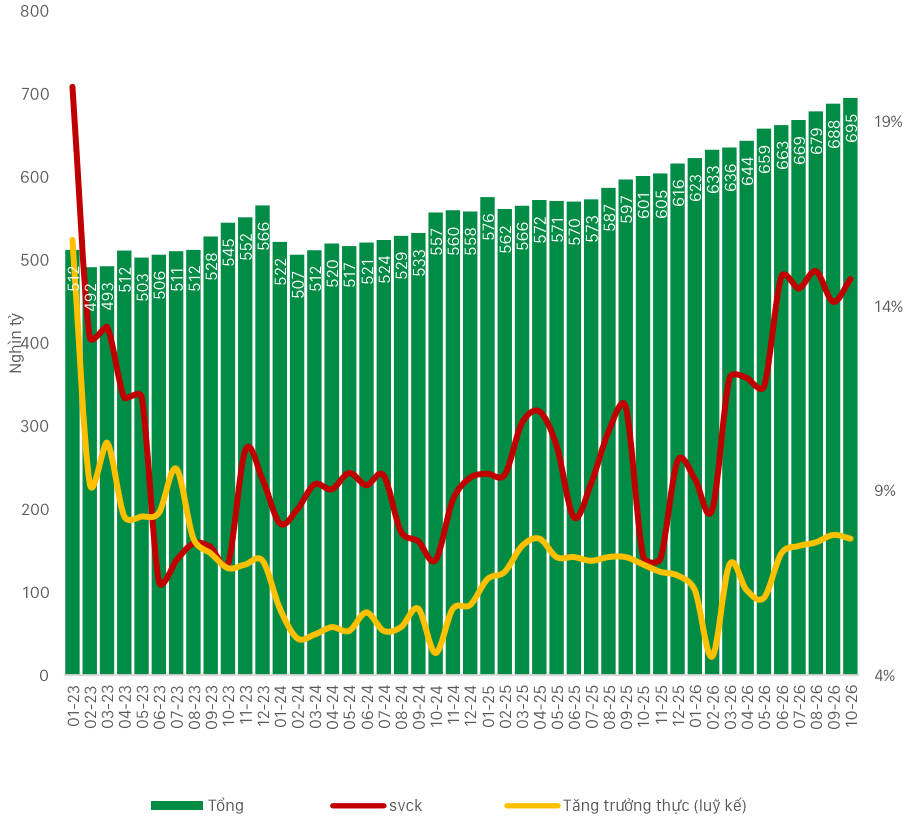
Nguồn: Cục Thống kê, báo cáo T10/2026. Kịch bản du lịch tính từ số lũy kế đã làm tròn 19,5 triệu lượt

TIÊU DÙNG THỰC GIỮ NHỊP, DU LỊCH CẦN TĂNG TỐC CUỐI NĂM (2/2)

Lưu trú, ăn uống và lữ hành tiếp tục tăng nhanh. Tuy nhiên, giá cả làm tăng danh nghĩa cao hơn đáng kể mức cải thiện sức mua thực.



Tiêu dùng thực và du lịch tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

ĐẦU TƯ CÔNG TĂNG TỐC, CÒN 31% KẾ HOẠCH THỐNG KÊ (1/2)

OCBS

Vốn NSNN thực hiện 10 tháng đạt 783,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 69,0% kế hoạch và tăng 19,8%

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Đầu tư công tăng tốc, trong khi tư nhân và FDI tiếp tục tạo nền tăng trưởng rộng hơn

Vốn NSNN tháng 10

121,6 nghìn tỷ đồng | **+23,7%** so với cùng kỳ

Vốn thực hiện trong tháng theo hệ thống thống kê.

Lũy kế 10 tháng NSNN

783,9 nghìn tỷ đồng | **69,0%** kế hoạch năm

Tăng 19,8% cùng kỳ, vốn địa phương tăng 22,6%.

Vốn đầu tư toàn xã hội 9T

3.109,6 nghìn tỷ đồng | **+15,1%** so với cùng kỳ

Quý III tăng 16,7%, cao hơn mức 9 tháng.

FDI 10 tháng

24,08 tỷ USD giải ngân | **54,85** tỷ USD đăng ký

FDI thực hiện tăng 13,1%, vốn đăng ký tăng 74,0%.

Vốn địa phương chiếm 85,7% vốn NSNN 10 tháng. Tổng đầu tư toàn xã hội còn dùng số 9 tháng.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản theo kế hoạch vốn trong hệ thống thống kê

Vốn NSNN thực hiện

1.022–1.079 nghìn tỷ đồng

Cần thêm 239–295 nghìn tỷ T11–12 để đạt 90–95% kế hoạch.

Vốn đầu tư toàn xã hội

+15–16%

Kịch bản theo số 9 tháng, chờ cập nhật quý IV.

Điều kiện thực hiện và lưu ý so sánh

69,0% kế hoạch hàm ý còn 31,0% khối lượng năm theo thống kê.

Mặt bằng, vật liệu và thủ tục quyết định tiến độ hai tháng cuối.

Vốn NSNN thực hiện khác khái niệm giải ngân kế hoạch của Bộ Tài chính.

85,7% là tỷ trọng vốn địa phương trong vốn NSNN thực hiện 10 tháng. Tiến độ tại địa phương quyết định phần lớn kết quả cuối năm.

HÀM Ý CHÍNH

- Đầu tư công tăng tốc
- FDI tiếp tục là điểm tựa
- Tư nhân giữ vai trò chủ lực
- Đầu tư là trụ cột bù đắp rủi ro bên ngoài

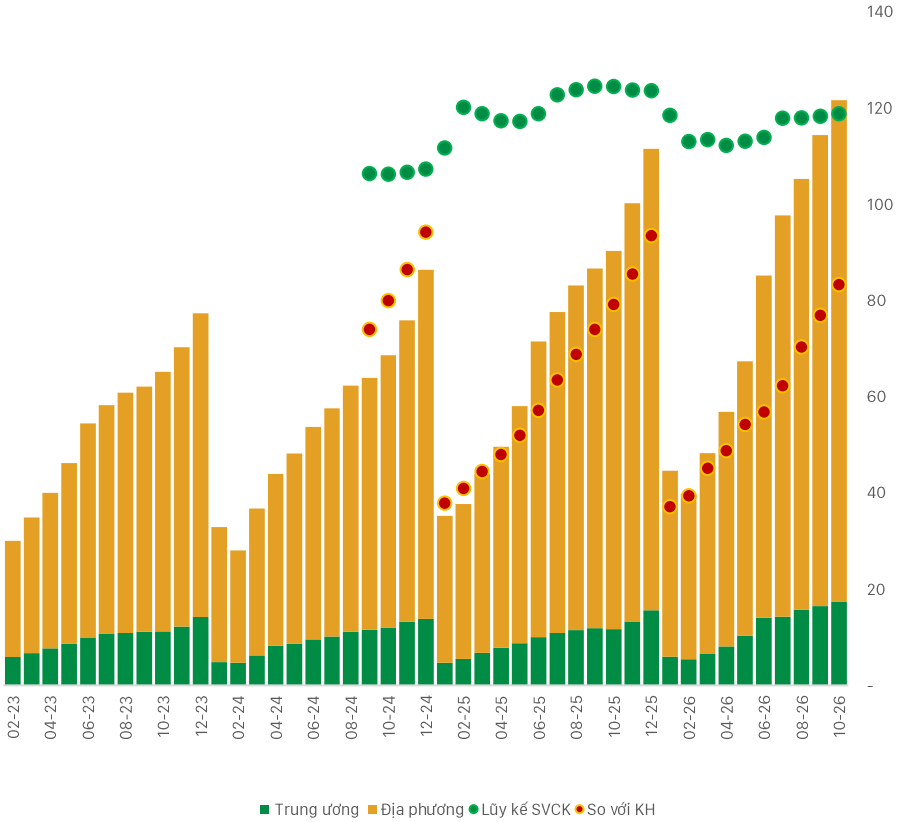
Đầu tư công và FDI tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng. Mức thực hiện tháng 10 tăng mạnh, nhưng khối lượng hai tháng cuối vẫn lớn.

Các kịch bản dùng kế hoạch thống kê hàm ý từ 783,9 nghìn tỷ và tỷ lệ 69,0%. Không so trực tiếp với tỷ lệ giải ngân có phạm vi khác.

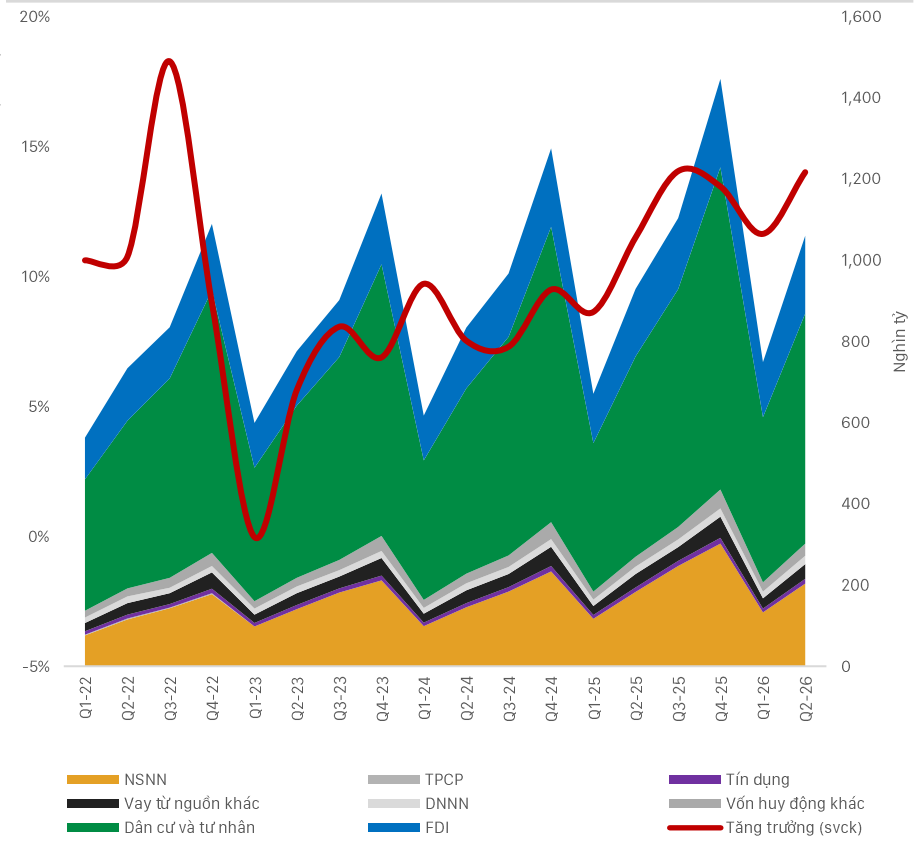
Nguồn: Cục Thống kê T10/2026, bảng 11.VĐT. Tổng đầu tư toàn xã hội: kỳ 9T. Kịch bản theo cùng mẫu số kế hoạch

ĐẦU TƯ CÔNG TĂNG TỐC, CÒN 31% KẾ HOẠCH THỐNG KÊ (2/2)

Đầu tư công tăng tốc, trong khi tư nhân và FDI tiếp tục tạo nền tăng trưởng rộng hơn



Vốn đầu tư mở rộng đồng đều giữa Nhà nước, tư nhân và FDI, tạo nền tảng cho chu kỳ tăng trưởng mới



Nguồn: Finnpro, OCBS tổng hợp

FDI TIẾP TỤC TĂNG, TRỌNG TÂM LÀ VỐN THỰC HIỆN (1/2)

Vốn đăng ký 10 tháng đạt 54,85 tỷ USD, giải ngân 24,08 tỷ USD. Chế biến, chế tạo chiếm 82,9% vốn thực hiện

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

FDI cải thiện đồng thời cả quy mô đăng ký và vốn thực hiện, với điểm nhấn là sản xuất

Tổng vốn FDI đăng ký 10T

54,85 tỷ USD — **+74,0%** so với cùng kỳ

Vốn cấp mới gấp khoảng 2,2 lần cùng kỳ.

Cơ cấu vốn đăng ký

30,73 tỷ USD cấp mới — **16,13** tỷ USD điều chỉnh

Góp vốn, mua cổ phần 7,99 tỷ USD, tăng 49,6% cùng kỳ.

Vốn FDI thực hiện 10T

24,08 tỷ USD — **+13,1%** so với cùng kỳ

Mức cao nhất của cùng kỳ 10 tháng trong 5 năm qua.

Tập trung vào sản xuất

47,5% tỷ trọng vốn cấp mới — **82,9%** tỷ trọng FDI thực hiện

Tỷ trọng chế biến, chế tạo; hai chỉ tiêu sử dụng mẫu số khác nhau.

Vốn đăng ký tạo nguồn dự án trung hạn, vốn giải ngân phản ánh tiến độ. Mua cổ phần chưa đồng nghĩa công suất mới.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản đăng ký 60–65 tỷ USD, giải ngân 29–31 tỷ USD

FDI đăng ký 2026

60–65 tỷ USD

Cần thêm 5,15–10,15 tỷ USD T11–12, phụ thuộc dự án lớn.

FDI thực hiện 2026

29-31 tỷ USD

T11–12 cần thêm 4,92–6,92 tỷ USD, tương đương 2,46–3,46 tỷ/tháng.

Động lực và rủi ro quý IV

Nguồn dự án đã đăng ký và năng lực sản xuất mới hỗ trợ giải ngân.

Hạ tầng, điện, nhân lực và thủ tục quyết định tiến độ thực hiện.

Chính sách thương mại và yêu cầu xuất xứ ảnh hưởng dự án hướng xuất khẩu.

Triển khai — **Trọng tâm đánh giá là vốn thực hiện, tiến độ vận hành và liên kết với doanh nghiệp nội địa; tránh dùng quy mô đăng ký thay cho năng lực sản xuất đã hình thành.**

HÀM Ý CHÍNH

- Đăng ký tăng 74,0%
- Sản xuất vẫn là trọng tâm
- Giải ngân tăng 13,1%
- Rủi ro thương mại cần theo dõi

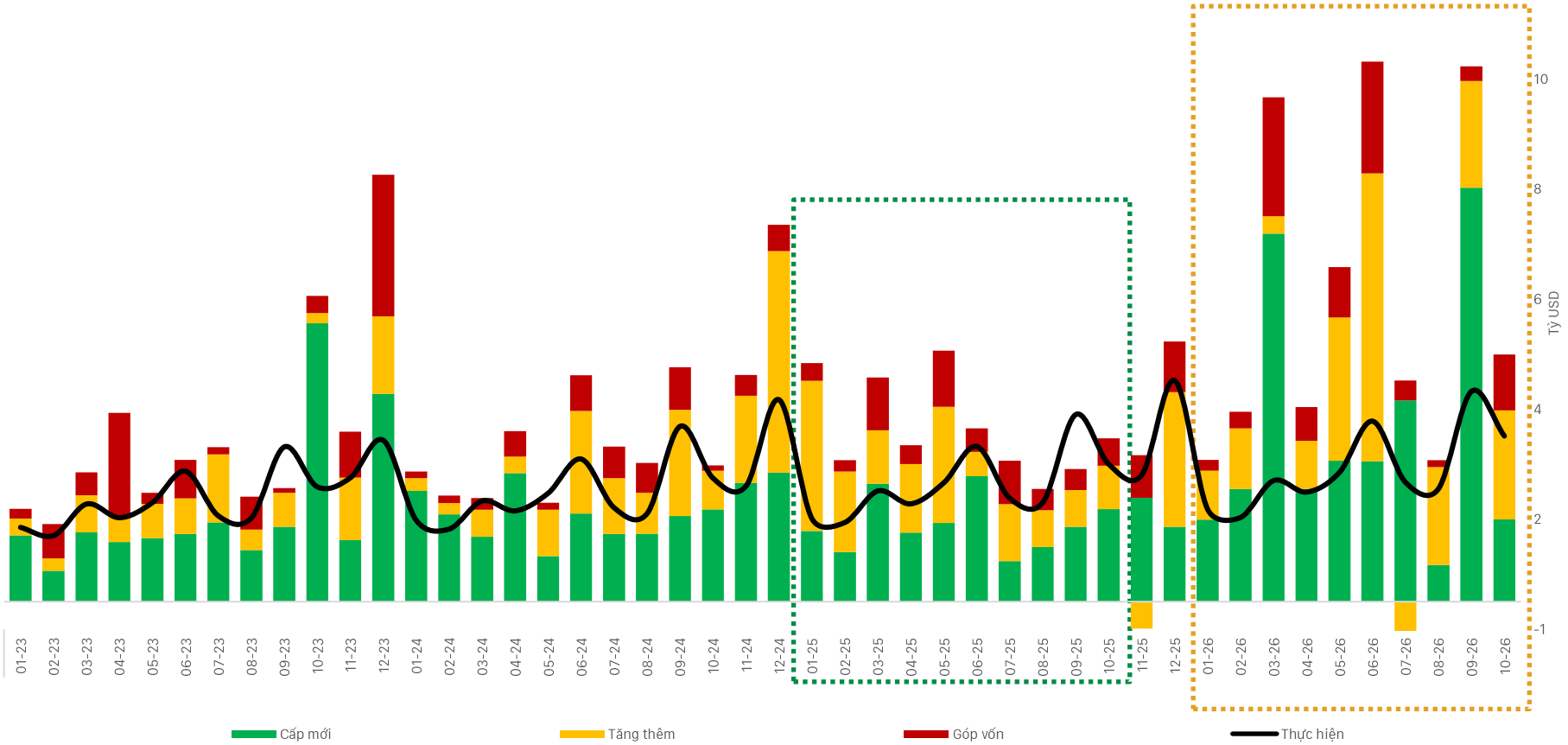
Cam kết và vốn thực hiện cùng tăng, tạo nền tảng cho sản xuất. Chế biến, chế tạo vẫn nhận phần lớn vốn giải ngân.

Khoảng 60–65 tỷ USD đăng ký và 29–31 tỷ USD giải ngân là kịch bản. Tiến độ dự án, hạ tầng và điều kiện thương mại quyết định kết quả.

Nguồn: Cục Thống kê, báo cáo và bảng 12.FDI T10/2026. Vốn đến 31/10. Kịch bản cả năm là phân tích có điều kiện

FDI TIẾP TỤC TĂNG, TRỌNG TÂM LÀ VỐN THỰC HIỆN (2/2)

FDI cải thiện đồng thời cả quy mô đăng ký và vốn thực hiện, với điểm nhấn là sản xuất



Nguồn: FiinPro, OCBS tổng hợp

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Tuy nhiên, OCBS không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tuyệt đối của các thông tin do bên thứ ba cung cấp.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: https://ocbs.com.vn/

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn

OCBS

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN